



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2016**

Thực hiện

Biên tập và thiết kế:

- Doãn Vũ Hải - Bộ phận QHCD
- Nguyễn Hoàng Mai Thư - P.Tiếp thị

© 2016 SASCO™





CHÚNG TÔI LÀ SASCO

Sasco có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ sân bay, với hơn 1.300 nhân viên, trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và TOP 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững trong lĩnh vực dịch vụ thương mại.

Tên công ty	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất
Tên Tiếng Anh	Southern Airports Services JSC
Tên viết tắt	SASCO
Vốn điều lệ	1.315.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Sân bay Quốc Tế Tân Sơn Nhất, P.2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Mã CK	SAS
Tel	(08) 3844 8358
Fax	(08) 3844 7812
Mã số thuế	0301123125
Website	www.sasco.com.vn

Chúng tôi nỗ lực từng ngày để nâng tầm dịch vụ thương mại sân bay với mong muốn mang tới những trải nghiệm phong phú và đáng nhớ cho các hành khách khi đặt chân tới Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.



Nội dung

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	2
Thành tựu trong năm 2016	4
Hình thành và phát triển	6
Thị trường kinh doanh	7
Ngành nghề và sản phẩm dịch vụ	8
Thông tin tài chính cơ bản	10
Mô hình tổ chức	14
Các khoản đầu tư góp vốn	15
Định hướng phát triển	16
Quản trị rủi ro	18
Báo cáo Hoạt động 2016	23
Tổng quan thị trường kinh doanh	24
Báo cáo hoạt động kinh doanh	25
Nhân tố ảnh hưởng kết quả hoạt động	26
Tình hình tài chính	28
Tình hình đầu tư	29
Kế hoạch sản xuất kinh doanh	30
Báo cáo Quản trị 2016	33
Hội đồng quản trị	34
Ban Tổng Giám đốc	36
Ban Kiểm soát	37
Thông tin cổ đông	38
Đánh giá hoạt động Công ty	40
Định hướng hoạt động	41
Báo cáo Ban Kiểm soát	42
Giao dịch bên liên quan	44
Trách nhiệm Môi trường và xã hội	47
Tổng quan trách nhiệm môi trường và xã hội	48
Báo cáo Kiểm toán 2016	53
Miễn trách	93

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị



Năm 2016 là năm SASCO hoạt động có hiệu quả với mức tăng trưởng rõ nét, với trọng tâm hướng đến khách hàng để làm thước đo vị thế của Công ty

Thay mặt Ban lãnh đạo, cùng toàn thể cán bộ nhân viên SASCO một lần nữa tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý vị cổ đông đã luôn ủng hộ, tin tưởng và gắn bó cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Hy vọng rằng, Quý vị sẽ luôn kề vai sát cánh cùng chúng tôi, tiếp tục phát huy sự hợp tác tốt đẹp trong tương lai.

ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm 2016 tiếp tục được đánh dấu là một năm hoạt động thành công trong lịch sử phát triển của SASCO với mức tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là 13%. Lợi nhuận của Công ty được gia tăng với khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư là 102 tỷ đồng

đóng góp một phần ấn tượng trong tổng lợi nhuận 2016 của Công ty.

Theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, từ năm 2015, SASCO chính thức là thành viên Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam. Năm 2016 là năm thứ 10 liên tiếp SASCO được xếp hạng là một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500, Top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững của quốc gia (CSI 100), thương hiệu hàng đầu Việt Nam (Top brands) trong 3 năm liên tiếp. Thương hiệu SASCO được công nhận đạt Thương hiệu quốc gia và được gắn biểu trưng Vietnam Value trong chương trình Thương hiệu quốc gia của Chính phủ.

Thành tích của Công ty là thành công của một đội ngũ nhân viên lành nghề, yêu lao động, tận tâm trong công việc. Hội đồng quản trị và các cổ đông của Công ty tin tưởng và có quyền tự hào với tài sản vô giá của Công ty là những cán bộ quản lý chuyên nghiệp, trình độ cao, sắc sảo, nhạy bén, trung thực trong

kinh doanh. Đặc biệt cá nhân tôi có vinh dự và niềm hạnh phúc được hàng ngày làm việc với các công sự và đồng nghiệp có tình yêu lớn với SASCO, nơi đã trở thành gia đình của những SASCOers, mỗi cá nhân coi sự phát triển và thành công của Công ty là thành công và danh dự của chính mình.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty, xin trân trọng cảm ơn Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam – Công ty mẹ đã hỗ trợ tích cực mang tính quyết định cho sự phát triển của SASCO.

Năm 2017 SASCO tiếp tục khẳng định là nhà cung cấp dịch vụ sân bay hàng đầu, phát triển kinh doanh song song với việc tăng cường hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro. Hội đồng Quản trị tập trung gia tăng lợi nhuận, tối ưu hóa doanh thu với chiến lược cạnh tranh bằng khác biệt hóa và đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng, đảm bảo cân bằng lợi ích giữa cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội. Cần trọng trong các quyết định đầu tư, SASCO mong

muốn luôn là đối tác tin cậy của các nhà đầu tư trên thị trường.

Và chúng tôi luôn tin tưởng rằng cạnh tranh lành mạnh phải là sự cạnh tranh thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Trân trọng.

ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

Thành tựu trong năm 2016

Top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016



Tự hào được công nhận là thương hiệu quốc gia



TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2016

Là thương hiệu hàng đầu Việt Nam 3 năm liên tiếp



Năm thứ 10 liên tiếp top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



+14%

Lợi nhuận gộp tăng trưởng

Lợi nhuận gộp tăng nhờ năng lực sản xuất tăng cũng như định hướng đúng đắn của Công ty trong việc tái cơ cấu sản phẩm dịch vụ của Công ty



Năng suất lao động tăng trưởng

+18,4%

Tập trung phát triển bộ phận kinh doanh bán hàng đã giúp năng suất lao động tăng, mỗi người lao động đóng góp 124,5 triệu đồng lợi nhuận SXKD mỗi năm



>20K followers

Tăng cường tương tác khách hàng qua mạng xã hội như Facebook, LinkedIn,....



Lợi nhuận sau thuế

234 tỷ đồng

Nhờ tăng trưởng của các hoạt động kinh doanh tại sân bay Tân Sơn Nhất và công tác quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ của Công ty



>1,2 triệu giao dịch

Sản lượng giao dịch tăng 25%

Sản lượng hành khách qua cảng sân bay Tân Sơn Nhất tăng hơn đã giúp lượng giao dịch bán hàng tăng xấp xỉ 25%

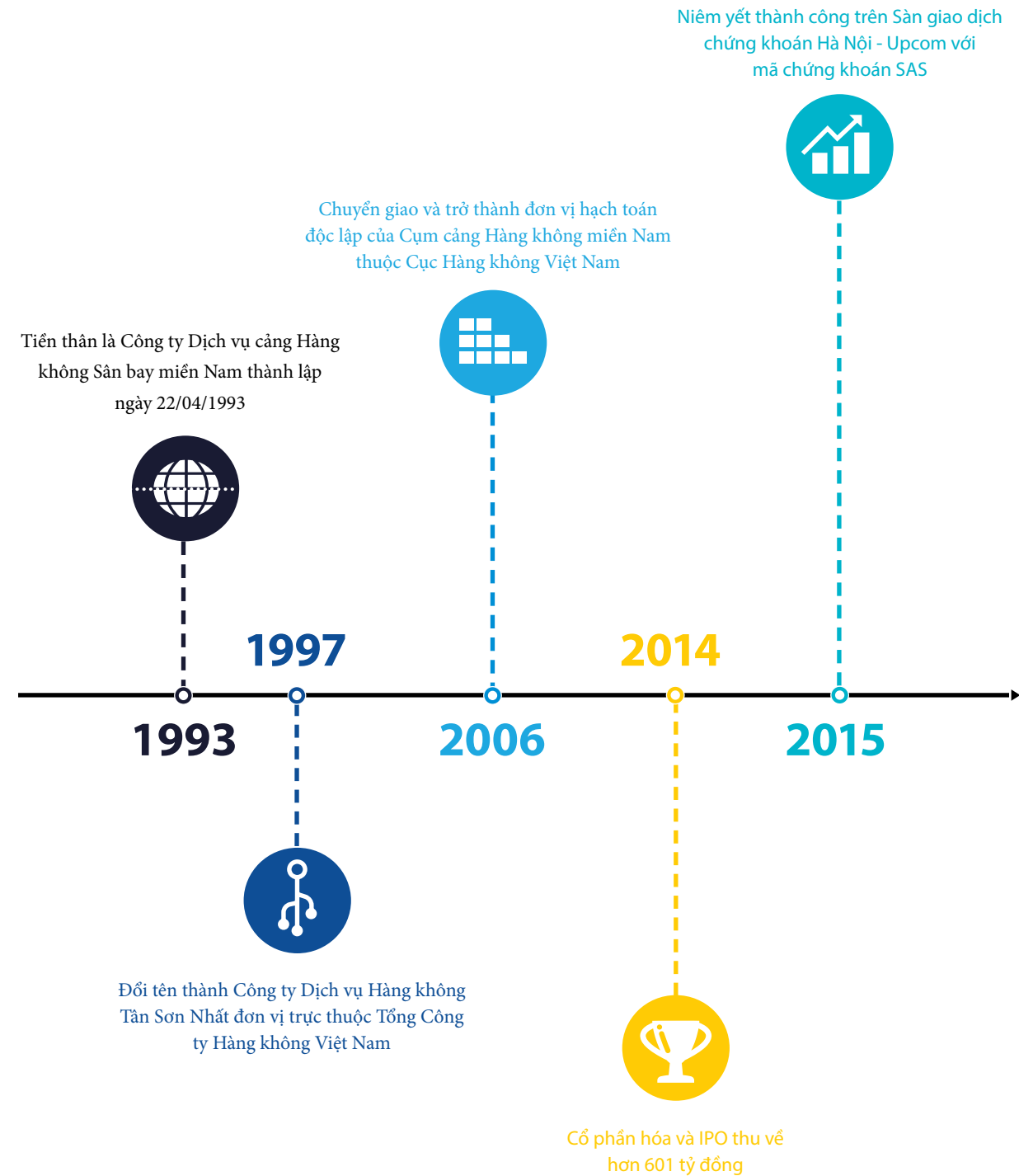


Phục vụ 15,5 triệu khách

Lượng khách qua TSN tăng 23%

trực tiếp sử dụng dịch vụ phi hàng không của SASCO

Hình thành và phát triển



Thị trường kinh doanh

Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phi hàng không với vai trò cung cấp các dịch vụ thương mại tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Đặc điểm hoạt động kinh doanh
Cơ cấu thị trường cảng hàng không

Hiện tại, hệ thống cảng hàng không Việt Nam gồm 22 cảng hàng không dân dụng trải rộng trên khắp cả nước, được quản lý, điều hành và khai thác bởi Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV).

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) hiện là đơn vị khai thác, quản lý các cảng hàng không ở Việt Nam.

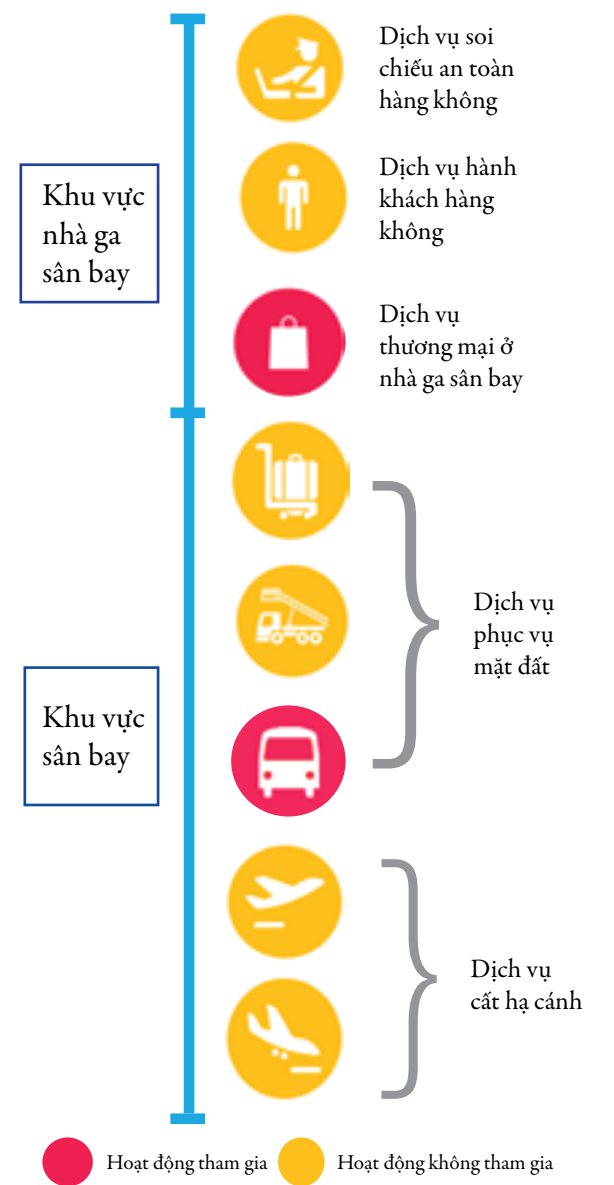
Các hoạt động kinh doanh của cảng hàng không gồm dịch vụ hàng không và dịch vụ thương mại có quan hệ tương hỗ mật thiết với nhau do cùng dựa trên khối tài sản là nhà ga và khu vực sân bay. Trong đó, các dịch vụ thương mại hàng không bao gồm cho kinh doanh miễn thuế, hàng hóa, phục vụ ăn uống, dịch vụ khác... Hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại này tùy thuộc vào vị trí và lợi thế kinh doanh của từng cảng. Lợi thế này thể hiện qua lưu lượng hành khách sức mua hành khách đi qua cảng và các mức phí dịch vụ.

Địa bàn hoạt động

Địa bàn hoạt động của SESCO tập trung chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh, khu vực sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Ngoài ra các sản phẩm dịch vụ của SESCO cũng có thể tìm thấy tại khu vực Phú Quốc với dịch vụ taxi Phú Quốc, khách sạn Blue Lagoon Resort.

Là doanh nghiệp có vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Vai trò của SESCO trong chuỗi giá trị hoạt động kinh doanh hàng không tại sân bay



Ngành nghề và sản phẩm dịch vụ



Bán hàng miễn thuế

Với hơn 10 nhóm mặt hàng, trên 12.000 sản phẩm đến từ các thương hiệu danh tiếng và hoàn toàn không chịu thuế, SASCO Duty Free đem lại khách hàng giá cả cạnh tranh so với Trung Tâm mua sắm nội địa.



Kinh doanh bán lẻ

Hệ thống cửa hàng bán lẻ nằm ở cả Ga Quốc nội và Ga Quốc tế, Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, đáp ứng tối đa nhu cầu của hành khách với hơn 30.000 sản phẩm mang nét đặc trưng văn hóa của từng vùng miền Việt Nam



Dịch vụ phòng chờ

Hệ thống phòng chờ hạng thương gia SASCO Business Lounge tại Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, đem đến cho hành khách dịch vụ tinh tế và trải nghiệm đẳng cấp



Dịch vụ khác

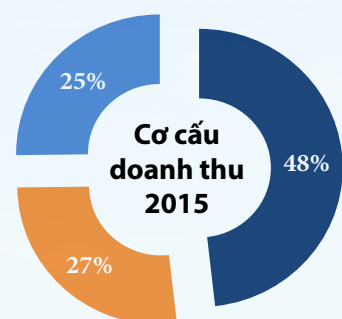
Hệ thống kinh doanh ẩm thực, dịch vụ vận chuyển hành khách tại sân đậu, dịch vụ du lịch và các hỗ trợ hành khách.....

Không để thời gian chờ đợi chuyến bay của hành khách trôi qua một cách nhàm chán, với chuỗi dịch vụ ăn uống, mua sắm đa dạng tại sân bay Tân Sơn Nhất, SASCO biến nơi đây trở thành không gian, thời gian lý tưởng để thưởng thức, trải nghiệm

Thông tin tài chính cơ bản

Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực

Trong cơ cấu doanh thu thuần, doanh thu thương mại bán hàng (bao gồm kinh doanh hàng miễn thuế, kinh doanh bán lẻ) chiếm phần lớn tỷ trọng đạt 75%. Còn lại 25% tỷ trọng doanh thu là kinh doanh dịch vụ bao gồm ẩm thực, vận chuyển và các dịch vụ khác.



- Kinh doanh hàng miễn thuế
- Kinh doanh bán lẻ và hàng hóa khác
- Kinh doanh dịch vụ

Hoạt động kinh doanh của SASCO thực hiện qua các bộ phận kinh doanh bao gồm Trung tâm thương mại, cửa hàng miễn thuế và các Chi nhánh.

Tổng doanh thu năm 2016 của SASCO đạt 2.275 tỷ đồng tăng 1% so với năm 2015 trong đó doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.089 tỷ đồng tăng 5% so với cùng kỳ do năm 2015 nhờ tăng trưởng từ các hoạt động thương mại bán hàng.

Nhờ cơ cấu lại các sản phẩm dịch vụ, thương mại cũng như kiểm soát chặt chẽ chi phí nên lợi nhuận gộp của SASCO đã tăng trưởng 20% đạt tỷ suất lợi nhuận gộp 42% cao hơn 5% so với các năm trước qua đó gia tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

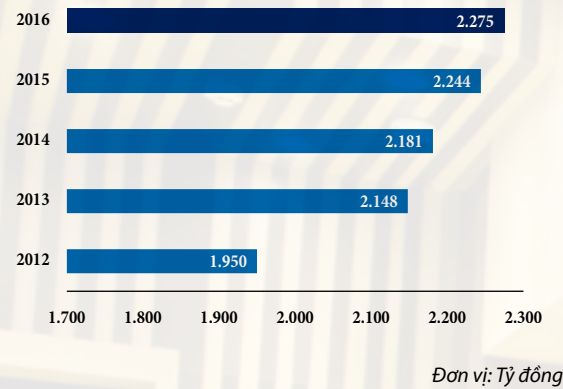
Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	So với 2015
Tổng doanh thu	2.275	2.244	1%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.089	1.996	5%
Kinh doanh hàng miễn thuế	1.007	917	10%
Kinh doanh bán lẻ (*)	556	545	2%
Kinh doanh dịch vụ	526	534	-2%
Lợi nhuận gộp	887	741	20%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	42%	37%	5%

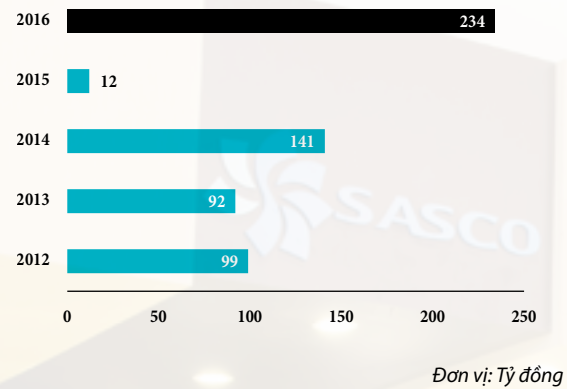
(*) Bao gồm doanh thu từ hợp tác kinh doanh

Nguồn: SASCO

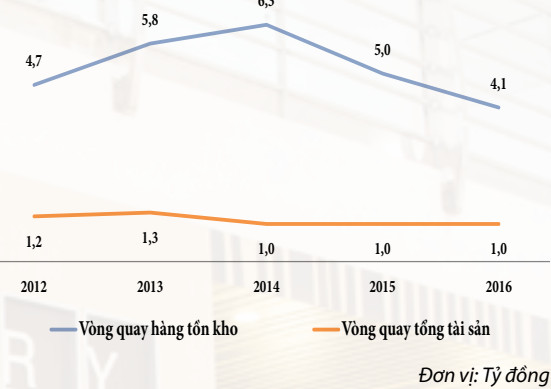
	Năm kết thúc 31/12	2013	2014	2015	2016	Thay đổi
BÁO CÁO THU NHẬP	Tổng doanh thu	2.148	2.181	2.244	2.275	1%
	Doanh thu thuần	2.008	2.040	1.996	2.089	5%
	Lợi nhuận gộp	627	622	741	887	20%
	Tỷ suất lợi nhuận gộp/DTT	31%	31%	37%	42%	5%
	Lợi nhuận sau thuế	92	141	12	234	
	ROS	5%	7%	1%	11%	
	ROE	10%	11%	1%	18%	
ROA	6%	7%	1%	12%		
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Tổng tài sản	1.563	2.025	1.993	2.024	2%
	Tài sản ngắn hạn	957	859	1.060	1.170	10%
	Tài sản dài hạn	607	1.166	933	854	-8%
	Tổng nợ phải trả	652	710	666	566	-15%
	Nợ ngắn hạn	646	710	666	563	-15%
Nợ dài hạn	6	-	-	3		
Vốn chủ sở hữu	912	1.315	1.327	1.458	10%	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	LN trước thay đổi vốn lưu động	191	153	231	204	
	Dòng tiền từ HĐ kinh doanh	5	8	65	23	
	Dòng tiền từ HĐ đầu tư	101	(85)	43	115	
	Dòng tiền từ HĐ tài chính	19	(42)	52	(156)	
	Lưu chuyển tiền thuần	125	(119)	160	(18)	
Tiền, tương đương tiền cuối kỳ	467	348	508	490		



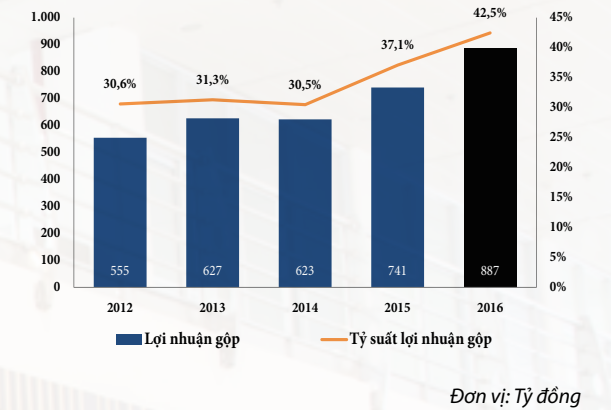
2.275 tỷ đồng doanh thu, tăng bình quân 3,1% trong giai đoạn 2012 - 2016



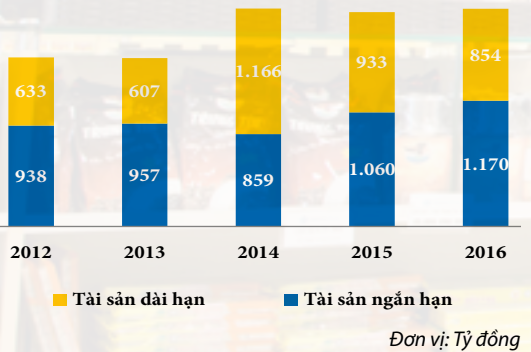
LNST năm 2016 đạt 234 tỷ, cao nhất trong giai đoạn 5 năm từ 2012 - 2016



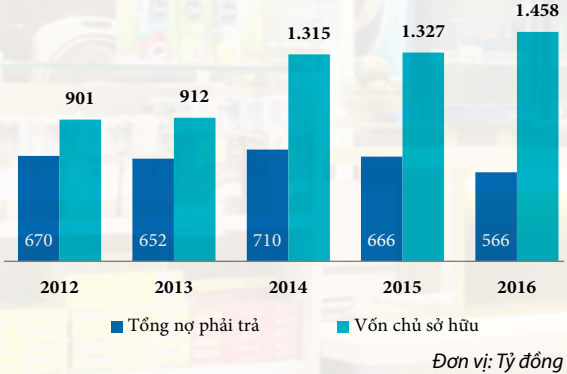
Các hệ số vòng quay tài sản, hàng tồn kho đều tương đối ổn định và phù hợp với môi trường kinh doanh



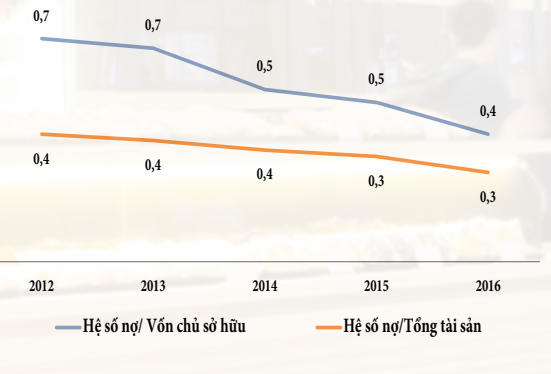
887 tỷ đồng lợi nhuận gộp, đạt tỷ suất lợi nhuận gộp 42% tăng hơn 5% so với năm 2015



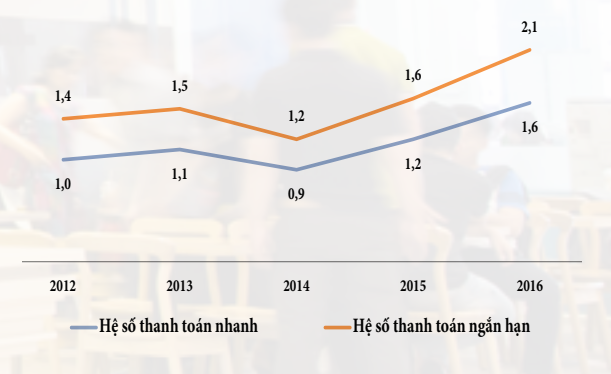
Tổng tài sản đạt 2.024 tỷ đồng



Vốn chủ sở hữu đạt 1.458 tỷ đồng

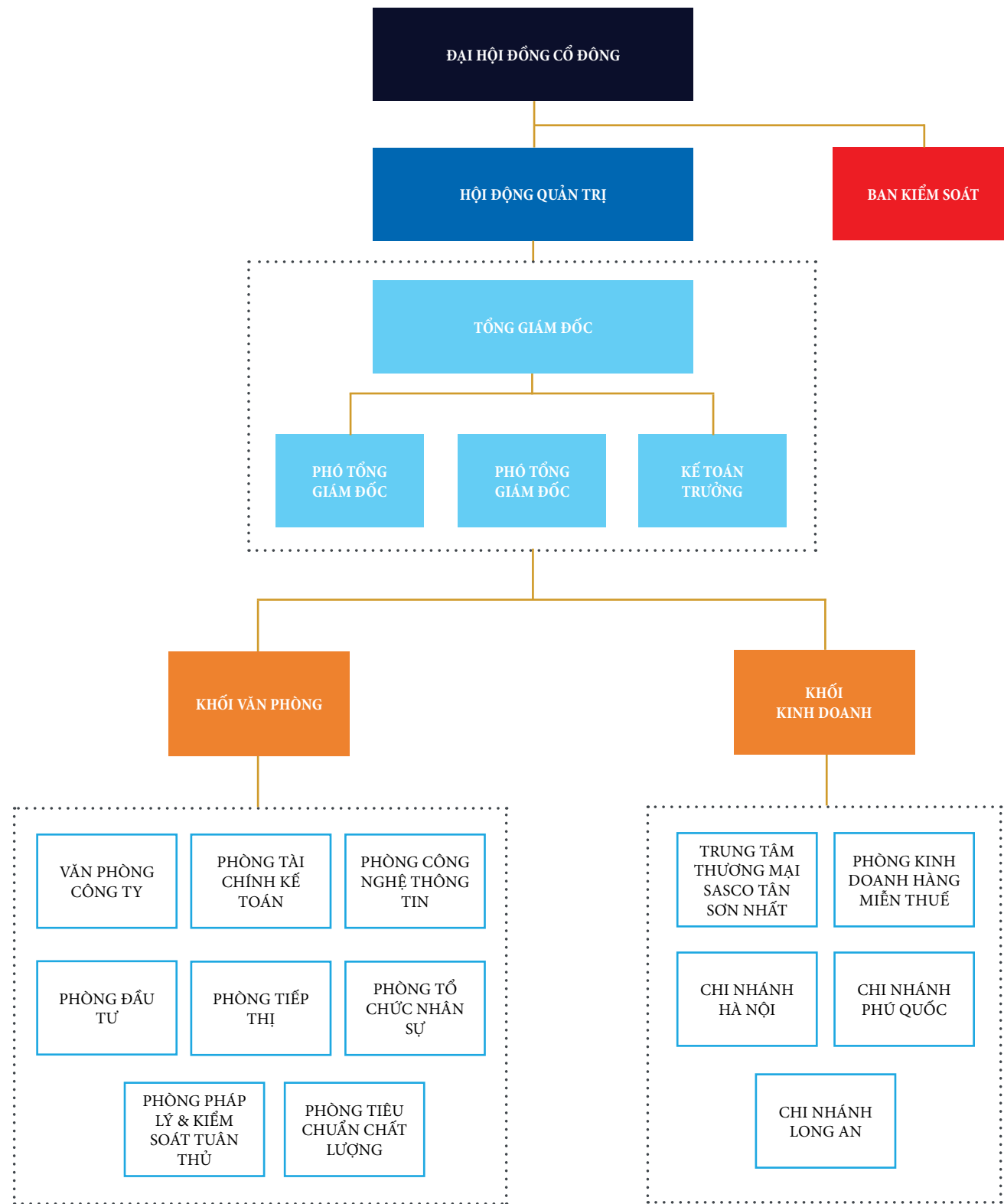


Chỉ số cơ cấu vốn ổn định, biến động từ năm 2014 do ảnh hưởng định giá lại doanh nghiệp để cổ phần hóa



Các chỉ tiêu hệ số thanh toán luôn được giữ ổn định đảm bảo an toàn tài chính

Mô hình tổ chức



Các khoản đầu tư góp vốn



Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp (triệu đồng)	Công ty	Vốn góp (triệu đồng)
Công ty liên doanh, liên kết		178.277	Các khoản đầu tư góp vốn khác	
CTCP TM Xăng dầu Tân Sơn Nhất	49,78%	149.377	CTCP dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	8.696
CT TNHH Phú Quốc - Sasco	50,00%	10.800	CTCP suất ăn hàng không Nội Bài	11.810
CT liên doanh CP Nhà Việt	29,00%	14.900	CTCP địa ốc Thảo Điền	44.732
CTCP đầu tư thương mại bầu trời xanh	20,00%	2.000	CTCP TM Sabeco Trung tâm	70
CTCP Phát triển vườn xanh	24,00%	1.200	CTCP Thành Ngọc	11.542
			CTCP xây dựng công nghiệp	4.930
			CTTNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	15.465
			CTCP đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	2.800
			Ngân hàng TMCP Đông Á	28.644

Định hướng phát triển

Phát triển bền vững và khẳng định vị thế thương hiệu đứng đầu về cung cấp dịch vụ sân bay tại Việt Nam

Khách hàng là trọng tâm

Là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không chất lượng cao. Lấy sự hài lòng về dịch vụ của hành khách làm trung tâm của mọi hoạt động, từ đó tạo giá trị gia tăng cho đối tác khách hàng.



Đầu tư nguồn nhân lực

Trở thành doanh nghiệp có môi trường làm việc lý tưởng giúp nhân viên phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty



Hệ thống và quy trình quản trị

Xây dựng quản trị công ty theo các chuẩn mực hiện đại, từng bước xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả. Phát triển bền vững trên nền cơ sở nền tảng đảm bảo an toàn tài chính, hoạt động kinh doanh lành mạnh và minh bạch.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Gia trị cốt lõi của SASCO là theo đuổi sự phát triển bền vững. Đây là nguyên tắc và niềm tin xuyên suốt mọi hành động của chúng tôi, giúp SASCO xác định đúng mục tiêu cũng như con đường phát triển dài hạn.

Minh bạch, trung thực, cam kết chất lượng và tận tâm trong từng dịch vụ tạo dựng uy tín doanh nghiệp, gia tăng giá trị thương hiệu, mang lại lợi ích cho khách hàng, cộng đồng, hài hòa lợi ích của các cổ đông và người lao động.

Quản trị rủi ro



26%

Giám sát rủi ro là bước tiến xa hơn trong lĩnh vực quản lý rủi ro, từ đó nâng cao giá trị và hiệu quả hoạt động.



26%

Nhận diện rủi ro là công việc được thực hiện hàng ngày để phát hiện ra những rủi ro tiềm ẩn dù nhỏ nhất.



16%

Phân tích rủi ro là công tác quan trọng để đưa ra biện pháp thích hợp và kịp thời, nhằm kiểm soát rủi ro một cách hiệu quả.



32%

Kiểm soát rủi ro được thực hiện bởi bộ phận chuyên môn giàu kinh nghiệm, giảm thiểu những hậu quả có thể xảy ra.

Hệ thống quản trị rủi ro tại SASCO được dựa trên những nguyên tắc cơ bản: (1) Quản trị rủi ro là bộ phận không thể tách rời của quá trình hoạt động SXKD; (2) Sẵn sàng chấp nhận một số rủi ro để tạo cơ hội kinh doanh và tạo giá trị gia tăng.

Mô hình quản trị rủi ro

Hệ thống quản trị rủi ro của SASCO sẽ được xây dựng, vận hành và phát triển dựa trên nền tảng hệ thống quản lý hiệu quả, xuyên suốt trong toàn tổ chức, sự hiểu biết đầy đủ các vai trò và trách nhiệm của mỗi cá nhân, coi trọng công tác truyền thông, trao quyền mạnh mẽ để công tác quản trị rủi ro trở thành lợi thế cạnh tranh dài hạn. Hệ thống quản trị rủi ro hoạt động theo mô hình 04 cấp:

Cấp 1: HĐQT trực tiếp chỉ đạo công tác quản trị rủi ro, phê duyệt chiến lược, chính sách quản lý rủi ro hàng năm và là người chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống.

Cấp 2: Ban Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt; chỉ đạo công tác nhận diện, phân tích đánh giá, kiểm soát và giám sát rủi ro theo kế hoạch định kỳ hàng năm.

Cấp 3: Bộ phận chức năng Quản trị rủi ro, dự kiến sẽ sớm được thành lập là bộ phận giúp việc cho Ban

Giám đốc trong việc điều phối, giám sát thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro.

Cấp 4: Các phòng ban là bộ phận phối hợp để nhận diện, đánh giá, thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro và theo dõi các rủi ro.

Các rủi ro trọng yếu Công ty

Lĩnh vực kinh doanh chính của SASCO luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro, bao gồm các rủi ro bên ngoài và nội tại Công ty. Các nhà đầu tư, các cổ đông, đối tác nên cân nhắc kỹ các rủi ro trước khi ra các quyết định gắn kết lợi ích với Công ty.

Rủi ro kinh tế

Sự tăng trưởng bền vững và ổn định của nền kinh tế trong nước và thế giới sẽ tạo nền tảng vững chắc duy trì, tăng trưởng sức mua và niềm tin tiêu dùng của khách hàng, tác động tích cực đến hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ của Công ty.

Rủi ro phụ thuộc vào thị trường sân bay

Doanh thu của Công ty đang tập trung vào thị trường chính là địa bàn tại sân bay Tân Sơn Nhất. Kết quả hoạt động của Công ty có thể bị ảnh hưởng xấu bởi các yếu tố, bao

gồm yếu tố chính trị, thiên tai, bệnh tật trong hoạt động du lịch thương mại, sản lượng hành khách hay thay đổi về các quy định pháp lý tại sân bay Tân Sơn Nhất. Bất kỳ sự gián đoạn nào trong hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất đều có ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty.

Rủi ro đặc thù

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại, hoạt động kinh doanh của Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành thương mại đòi hỏi Công ty phải có chiến lược đứng đắn và hệ thống quản trị, giám sát vốn lưu động đặc biệt phải thu và hàng tồn kho.

Rủi ro cạnh tranh

Trong những năm qua và xu hướng trong tương lai, Công ty luôn phải cạnh tranh với một loạt các nhà cung cấp dịch vụ khác tại các mảng kinh doanh của Công ty bao gồm dịch vụ thương mại phi hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất, dịch vụ khách sạn và vận tải tại Phú Quốc.

Rủi ro tỷ giá

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thay đổi hành vi tiêu dùng

Theo đánh giá của Công ty, trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nhà cung cấp dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất, xu hướng thay đổi hành vi tiêu dùng khi khách hàng lựa chọn sản phẩm dịch vụ có thương hiệu sẽ ngày càng diễn ra nhanh, phức tạp hơn trong những năm tới. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ phải áp dụng những cải tiến

đặc biệt về công tác xây dựng thương hiệu, marketing sản phẩm, dịch vụ. Điều này có thể dẫn đến chi phí bán hàng cao hơn so với trước đó kéo theo tỷ suất lợi nhuận có thể bị sụt giảm đáng kể.

Rủi ro nhân sự

Sau hơn 23 năm tăng trưởng và phát triển đặc biệt sau khi thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, dẫn đến việc Công ty bị thiếu hụt nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp cho định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo. Đặc thù hoạt động dịch vụ, thương mại đòi hỏi nhiều lao động, tuổi đời trẻ cần đào tạo và định hướng nghề nghiệp, biến động về nhân sự luôn là vấn đề cần đặc biệt quan tâm giải quyết

Rủi ro thương hiệu

Là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty

Rủi ro pháp luật

Hoạt động và tham gia hợp tác đầu tư trong nhiều lĩnh vực, Công ty luôn phải đối mặt với nguy cơ bị khởi kiện bởi khách hàng, đối thủ cạnh tranh... liên quan đến các vấn đề như tranh chấp về quyền sở hữu, trách nhiệm xã hội, môi trường... Kết luận cuối cùng của mỗi vụ kiện có thể không do lỗi của Công ty, nhưng bản thân quá trình tham gia tố tụng cũng sẽ tiêu tốn rất nhiều chi phí, nguồn lực... Các chi phí phát sinh trong quá trình tham gia tố tụng thường khó kiểm soát và có thể sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để đáp ứng các cam kết khi gia nhập các tổ chức quốc tế nên cơ chế và chính sách áp dụng đối với hoạt động kinh doanh hàng không, sân bay của luôn có những thay đổi.

Rủi ro môi trường

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại, và dịch vụ nên hoạt động kinh doanh của Công ty ít có tác động trực tiếp tới môi trường. Công ty luôn quan tâm cao độ đến các tác động về môi trường có thể xảy ra. Các dự án, mô hình kinh doanh của Công ty đều được chuyên gia uy tín phân tích đánh giá tác động trước khi thực hiện và áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến nhất về thiết kế và sử dụng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng các tiêu chuẩn khắt khe về tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường để tiến hành lựa chọn các nhà cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa.

BURBERRY

The image shows the interior of a Burberry store. The store is brightly lit with warm, yellowish lights. In the foreground, a woman in a plaid dress is looking at a blue suitcase. To her right, another woman in a dark suit is looking at a display of handbags. The background features several shelves and a display case, all filled with various styles of handbags and accessories. The Burberry logo is prominently displayed at the top of the store.

**Báo cáo
Hoạt động
2016**

Tổng quan thị trường kinh doanh

SASCO kinh doanh thương mại, dịch vụ phi hàng không chủ yếu tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và dịch vụ khách sạn, taxi tại thị trường Phú Quốc

Kinh tế vĩ mô

Theo Tổng Cục Thống kê, GDP năm 2016 đạt mức tăng trưởng 6,21% thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 2016 tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước, loại trừ yếu tố giá còn tăng 7,8% thấp hơn mức tăng 8,5% của cùng kỳ năm 2015. Trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 10,2%, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 10,7%, doanh thu du lịch lữ hành tăng 12,0%, doanh thu dịch vụ khác tăng 9,3% so với năm 2016. Lạm phát tăng 1,83% so với bình quân cùng kỳ năm 2016, vẫn ở mức thấp so với mức tăng CPI của một số năm gần đây. Lãi suất được giữ ổn định giúp tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 16,46% cho thấy khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp tương đối tốt. Nhìn chung, năm 2016 kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

Thị trường Tân Sơn Nhất

Sản lượng hành khách của Tân Sơn Nhất năm 2016 đạt 32,6 triệu lượt, tăng 23% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ tăng trưởng của lượng khách quốc nội tăng 28% trong khi lượng khách quốc tế tăng 15%. Lượng hành khách hàng không giá rẻ tiếp tục tăng trưởng mạnh giúp số lượng giao dịch tăng so với cùng kỳ tuy nhiên mức tăng chủ yếu tập trung ở giao dịch có giá trị thấp.

Thị trường Phú Quốc

Năm 2016, tổng nguồn cung phòng dịch vụ lưu trú đạt gần 11.000 phòng trong đó số lượng phòng trên 3 sao đạt khoảng 2.700 phòng tăng hơn 100% so với năm 2015 dẫn tới thị phần của Công ty giảm xuống dưới 3% lượng phòng cung cấp cho thị trường. Dịch vụ taxi trong năm 2016 đã có thêm 01 hãng taxi mới, nâng tổng số xe cung ứng cho thị trường lên 700 đầu xe khiến thị phần của SASCO giảm còn 14% lượng xe cung ứng cho thị trường.

Báo cáo hoạt động kinh doanh

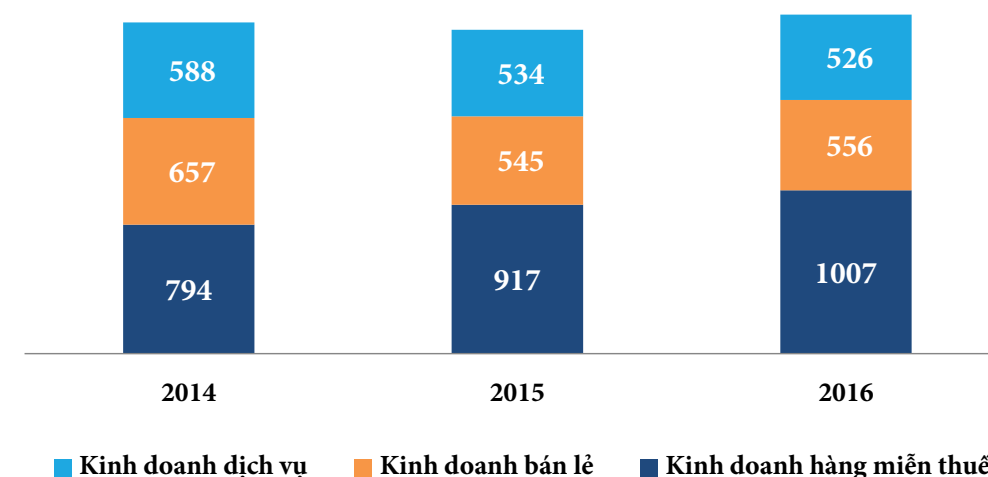
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	% Kế hoạch
Tổng doanh thu	2.274.738	2.020.922	113%
Doanh thu SXKD thuần	2.089.075	1.977.769	106%
Lợi nhuận trước thuế	282.539	180.874	156%

Tổng doanh thu của SASCO năm 2016 đạt 2.274 tỷ đồng, hoàn thành đạt 113% kế hoạch trong đó doanh thu sản xuất kinh doanh đạt 2.089 tỷ đồng đạt 106% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 282 tỷ đồng, đạt 156% kế hoạch trong đó thu nhập từ lợi nhuận

chuyển nhượng chứng khoán và các khoản vốn góp đạt 101 tỷ đồng.

Công ty tiếp tục giữ vững vị thế là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không dẫn đầu tại cảng sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.



Nhân tố ảnh hưởng kết quả hoạt động

“ NĂM 2016, NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC TIẾP TỤC ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU KHÓ KHĂN, TÁC ĐỘNG KHÔNG NHỎ ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ. SASCO VỀ CƠ BẢN VẪN HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH QUAN TRỌNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA. ”

Các yếu tố chính ảnh hưởng đến hoạt động trong năm 2016 của Công ty bao gồm:

1 Sản lượng hành khách qua cảng sân bay Tân Sơn Nhất tăng trưởng 23% trong năm 2016 đã giúp sản lượng giao dịch của Công ty tăng tương ứng.

2 Thực hiện chính sách tập trung gia tăng lợi nhuận, cơ cấu lại các hoạt động đã giúp tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ 37,1% lên 42,5%.

3 Môi trường thương mại, cung cấp dịch vụ hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất hết sức sôi động với sự tham gia của

nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ cùng ngành nghề và sản phẩm dịch vụ.

4 Sức mua tổng thể của thị trường chia sẻ giữa các doanh nghiệp cùng kinh doanh đã làm doanh thu sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty tăng trưởng không tương xứng với tăng trưởng của sản lượng hành khách tại sân bay Tân Sơn Nhất..

5 Các hoạt động dịch vụ tại thị trường Phú Quốc bị ảnh hưởng bởi việc phải chia sẻ thị phần do nhiều nhà đầu tư tham gia thị trường Phú Quốc, cụ thể: (1) dịch vụ du lịch và dịch vụ khách sạn resort giảm do công suất phòng giảm khoảng 3% xuống 59% và giá dịch vụ giảm để thu hút nguồn

Trong kỳ, SASCO thực hiện chiến lược tăng trưởng nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm qua đó cải thiện biên lợi nhuận gộp thay vì tập trung tăng trưởng doanh thu như trước cùng với việc cải thiện lợi nhuận thông qua tái cơ cấu hoạt động kinh doanh và kiểm soát chi phí đầu vào.

khách trong bối cảnh số lượng khách sạn tại Phú Quốc tăng mạnh; (2) dịch vụ vận chuyển taxi Phú Quốc giảm do tần suất khai thác Taxi giảm 6%.

Chiến lược tập trung phát triển theo chiều sâu đã giúp tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty tăng từ 37,1% lên 42,5%.

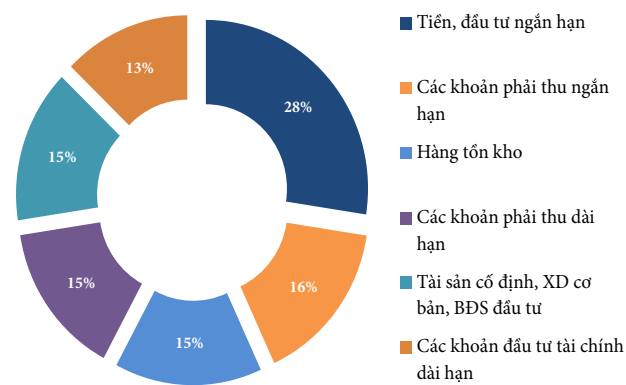


Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Tổng tài sản SASCO vào ngày 31/12/2016 được phân bố đồng đều phù hợp với mô hình kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại theo đó chủ yếu là tài sản ngắn hạn (chiếm 58% tổng tài sản), trong đó tiền, tương đương tiền chiếm 28%, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 15%, hàng tồn kho chiếm 15%.

Tổng nguồn vốn không có nhiều biến động trong đó vốn chủ sở hữu của SASCO chiếm phần lớn cơ cấu nguồn vốn (72% tổng nguồn vốn), tỷ lệ sử dụng đòn bẩy (D/E) ở mức 0,4 lần tương đối thấp so với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.

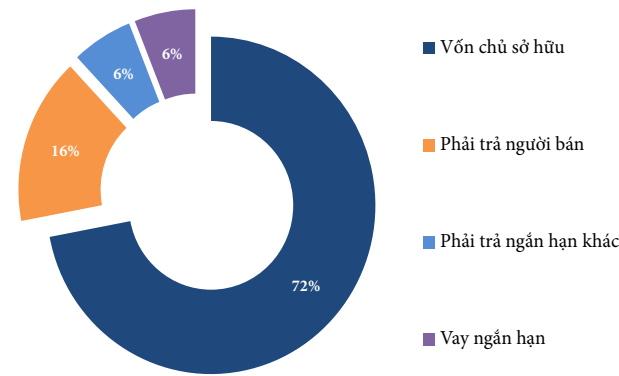


Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Cơ cấu tài chính của Công ty được giữ ở trạng thái cân bằng khi tài sản dài hạn, các khoản đầu tư tài chính dài hạn đều được tài trợ bởi nguồn vốn dài hạn, ổn định từ vốn chủ sở hữu nhờ vậy rủi ro tài chính được hạn chế tối đa.

Các biến động tài sản, nguồn vốn trọng yếu

Kết thúc năm 2016, cơ cấu nguồn vốn không có biến động đột biến nào, chủ yếu do việc gia tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh làm vốn chủ sở hữu tăng từ tỷ lệ 67% lên 72% tổng nguồn vốn.



Tình hình đầu tư

Tình hình đầu tư, sửa chữa tài sản

Trong năm 2016, SASCO đã thực hiện đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mặt bằng kinh doanh và mua sắm thêm trang thiết bị như xe cộ để nâng cao năng lực vận chuyển hành khách trong sân đỗ phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên theo kế hoạch được phê duyệt.

Tình hình đầu tư các dự án kinh doanh

Hiện tại SASCO đang kế thừa và tiếp tục làm chủ đầu tư của một số dự án từ giai đoạn trước cổ phần hóa, các dự án này vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

TT	Dự án	Quy mô	Vị trí	Đầu tư trong năm (triệu đồng)	Hiện trạng
1	Khu du lịch sinh thái Vũng Bầu	132 ha	Xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc	38.552	Đang thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng
2	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Hoa	131,3 ha	P7, tp.Đà Lạt	1.488	Đã có giấy chứng nhận đầu tư, đang chuyển mục đích SDD
3	Khu dân cư thương mại dịch vụ An Bình	28.909 m2	P. An Bình, Dĩ An, Bình Dương	13	Đã có quy hoạch chi tiết 1/500, đang thực hiện nghĩa vụ tài chính chuyển mục đích SDD
4	Khách sạn SASCO - Nha Trang	7.702 m2	P. Vinh Hòa, tp. Nha Trang	2.343	Đã có giấy chứng nhận đầu tư, đang thực hiện đền bù, hỗ trợ tái định cư
5	Mỏ nước khoáng Ba Ngòi	1,5 ha	P. Ba Ngòi, tp. Cam Ranh	9	Thực hiện khảo sát
6	Dự án trồng cao su - Suối Nhung Bình Phước	369 ha	Tỉnh Bình Phước	1.216	Đang thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc cao su

Tình hình đầu tư tài chính

Trong năm 2016, SASCO đã thoái vốn tại Công ty TNHH Nova – SASCO, Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng, Công ty CP Dược Cần Giờ và thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tại Ngân hàng Đông Á (do bị NHNN

kiểm soát đặc biệt) và CTCP thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất (do CTCP thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất mới đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2016 nên hoạt động kinh doanh bị lỗ tạm thời). Các công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.

Công ty	Ngành nghề	Địa chỉ	Tỷ lệ	Vốn góp (triệu đồng)
CTCP TM Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Thương mại xăng dầu	45 Trường Sơn, Q.TB, tp.HCM	49,78%	149.377
CT TNHH Phú Quốc - Sasco	Thủy sản, dịch vụ khách sạn	47 Nguyễn Huệ, Phú Quốc	50,00%	10.800
CT liên doanh CP Nhà Việt	Xuất nhập khẩu, thương mại	Leipziger Str.54, Berlin, Đức	29,00%	14.900
CTCP đầu tư TM bầu trời xanh	Kinh doanh đồ ăn uống	415B Hoàng Văn Thụ, Q.TB, tp.HCM	20,00%	2.000
CTCP Phát triển vườn xanh	Dịch vụ cây trang trí	45 Trường Sơn, Q.TB, tp.HCM	24,00%	1.200
TỔNG CỘNG				178.277

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

“Thị trường sân bay Tân Sơn Nhất, dự kiến sản lượng hành khách tiếp tục giữ mức tăng trưởng 10 – 15% tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ phi hàng không.

Tổng quan môi trường kinh doanh năm 2017

Kinh tế vĩ mô

Sau khi đã tăng chững lại trong năm 2016, GDP được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi trong năm 2017. Mức tăng trưởng 6,6% của GDP trong năm 2017 có thể đạt được khi giá dầu thô trung bình năm 2017 được kỳ vọng phục hồi về mức 55 USD/thùng đi cùng sự phục hồi của ngành nông nghiệp và tăng trưởng ổn định của công nghiệp sản xuất, chế biến chế tạo.

Thị trường hàng không

Tại thị trường sân bay Tân Sơn Nhất, dự kiến sản lượng hành khách tiếp tục giữ mức tăng trưởng 10 – 15%. Hoạt động tại sân bay Tân Sơn Nhất tiếp tục sôi động với việc nhiều các đơn vị cung cấp dịch vụ tham gia thị trường.

Căn cứ xây dựng kế hoạch

Các yếu tố tích cực

Sản lượng hành khách của cảng sân bay Tân Sơn Nhất năm 2017 dự kiến là 36,9 triệu lượt tăng trưởng 13% trong đó lượng khách quốc tế tăng trưởng 10%, lượng khách quốc nội tăng trưởng 15%. Cuối năm 2016, khi giai đoạn 1 phần diện tích mở rộng tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất được khánh thành, SASCO đã đưa vào khai thác hệ thống cửa hàng tiện lợi Fresh2Go và nhiều tiện ích khác để cung cấp các mặt hàng đặc sản, thực phẩm, thức ăn nhanh, hàng hóa... phục vụ cho hành khách, dự kiến khi các hệ thống cửa hàng này đi vào hoạt động ổn định sẽ tạo tiền đề tăng trưởng trong tương lai.

Các nhân tố thách thức

Năm 2017, tình hình kinh tế chịu ảnh hưởng bởi việc đàm phán TPP không đạt được như kỳ vọng, môi trường vĩ mô dự kiến sẽ có nhiều biến động khi lạm phát có dấu hiệu tăng trở lại. Hoạt động tại sân bay Tân Sơn Nhất tiếp tục sôi động với việc nhiều các đơn vị cung cấp dịch vụ tham gia thị trường sẽ tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dự kiến sản lượng lượt hành khách tại sân bay Tân Sơn Nhất vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng, tuy nhiên do công suất sử dụng vượt công suất thiết kế dẫn tới sức mua nói chung sẽ bị hạn chế. Cùng với sự tham gia của nhiều đơn vị cung cấp có khả năng khiến SASCO phải chia sẻ thị phần hoạt động kinh doanh

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017

Trên cơ sở những phân tích và đánh giá trên dự kiến trong năm 2017, tổng doanh thu của SASCO ước đạt 2.287 tỷ đồng tương đương so

với năm 2016 trong đó doanh thu thuần SXKD ước đạt 2.217 tỷ đồng tăng 6% so với năm 2016, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 221 tỷ đồng giảm 22% so với năm 2016.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	% Tăng/ giảm
Tổng doanh thu	2.274.738	2.287.020	1%
Doanh thu SXKD thuần	2.089.075	2.217.120	6%
Lợi nhuận trước thuế	282.539	220.798	-22%





DUTY FREE

SASCO
DUTY FREE
The Sun Next

Báo cáo Quản trị 2016

DISCOVER
THE WORLD
OF
SPIRITS

SAVE
US\$15
COMPARED TO
INDONESIA AIRPORT

FREE BAG

FREE GIFT

FREE GIFT

FREE GIFT

FREE GIFT

10% 할인

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị SASCO



Các thay đổi thành viên HĐQT trong năm 2016:

Tại đại hội thường niên năm 2016, ông Phan Vũ Tuấn đã có đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đồng thời Đại hội đã bầu bổ sung ông Nguyễn Hạnh làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế ông Phan Vũ Tuấn từ tháng 4 năm 2016.

Bà ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà tốt nghiệp khoa luật kinh tế Đại học Tổng hợp Moscow, cử nhân ngoại ngữ Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Gia nhập SASCO từ những ngày đầu mới thành lập, Bà là người góp phần quan trọng trong việc xây dựng chiến lược, cải tiến hiệu quả SXKD, marketing, đào tạo đội ngũ cán bộ SASCO. Với hơn 23 năm kinh nghiệm, nắm giữ các chức vụ quản lý chủ chốt tại các công ty dịch vụ, thương mại phi hàng không lớn, Bà được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trong giai đoạn SASCO cổ phần hóa đến nay.

Ông ĐẶNG TUẤN TÚ Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học An Ninh nhân dân. Trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2008, Ông công tác tại bộ phận An ninh tại Cục cảng hàng không miền Nam trước khi giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm an ninh hàng không Tân Sơn Nhất và Giám đốc dịch vụ An ninh Tân Sơn Nhất trong giai đoạn 2008 - 2012. Từ năm 2012 đến nay, Ông giữ chức vụ Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Ông PHAN LÊ HOAN Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Đại học quốc gia TP.HCM. Với hơn chục năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay theo đó trong khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 2012, ông đã đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc và Giám đốc Trung tâm khai thác cụm cảng hàng không miền Nam. Từ năm 2012 tới nay Ông giữ chức vụ Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và Trưởng ban Pháp chế - Kiểm soát Nội bộ Tổng Công ty cảng Hàng không Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN HẠNH Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ trường Đại học Seattle - Hoa Kỳ. Với hơn chục năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại và hàng không, đã và đang giữ vị trí quản lý cấp cao tại tổ chức như Boeing Subcontractor, Philipines Airlines, IPP Group, Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương, Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu, Công ty TNHH Thời Trang và Mỹ phẩm Châu Mỹ. Ông được đề cử làm thành viên HĐQT tại SASCO từ tháng 4 năm 2016.

Bà LÊ HỒNG THỦY TIÊN Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành

Bà tốt nghiệp khoa kinh tế Đại học quốc gia TP.HCM. Với hơn chục năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nhà hàng ẩm thực, kinh doanh thương mại hàng hóa mỹ phẩm thời trang cao cấp, hàng miễn thuế, hiện Bà đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương. Bà được đề cử làm thành viên HĐQT sau khi SASCO cổ phần hóa thành công.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc SASCO



Tổng Giám Đốc
Bà ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG

(Nội dung như phần thông tin HĐQT)



Ông NGUYỄN VĂN HÙNG CƯỜNG
Phó Tổng Giám Đốc

Ông là cử nhân kinh tế với gần 20 năm kinh nghiệm công tác tại SASCO, giữ nhiều trọng trách, chức vụ quan trọng trong lĩnh vực kế toán tài chính, quản trị và hoạch định chiến lược kinh doanh, Ông được đề bạt làm Kế toán trưởng SASCO vào năm 2007 và bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SASCO từ năm 2015 cho tới nay.



Bà NGUYỄN MINH NGỌC
Phó Tổng Giám Đốc

Tốt nghiệp Thạc sỹ quản trị kinh doanh. Gia nhập SASCO từ năm 2003, bà đã đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển chất lượng, dịch vụ và thương hiệu sản phẩm của SASCO. Bà là Trưởng phòng Tổ chức nhân sự trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SASCO từ tháng 9 năm 2016.



Bà TÔN NỮ DIỆU TRÍ
Kế toán trưởng

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính kế toán và có hơn 23 năm kinh nghiệm về quản lý và tài chính kế toán. Bà công tác tại SASCO từ năm 2005 và giữ chức vụ Phó phòng Tài chính Kế toán SASCO từ năm 2012 cho tới cuối năm 2016, Bà được đề bạt làm Kế toán trưởng SASCO.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát SASCO

Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Huỳnh Thị Diệu

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán, từng đảm nhiệm các vị trí quản lý tài chính. Hiện, Bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam.



**Các thay đổi thành viên Ban
Kiểm soát trong năm 2016:**

Tại đại hội thường niên năm 2016, Bà Lê Thị Mỹ Hạnh và Ông Trần Phước Hải đã có đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đồng thời Đại hội đã bầu bổ sung ông Lưu Quốc Hoàng và bà Trần Thị Thu Trang làm thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 4 năm 2016.

Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lưu Quốc Hoàng

Cử nhân Tài chính Kế toán với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán nội bộ, ông đang giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Bộ phận Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam.



Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Thu Trang

Cử nhân Kế toán kiểm toán cùng với 10 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp nước ngoài và tổ chức kiểm toán như Công ty kiểm toán KPMG, Công ty dầu khí Chevron, Công ty thực phẩm PepsiCo Việt Nam.



Thông tin cổ đông

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2016		Số cổ phiếu thay đổi (giảm) trong kỳ		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2016	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
I CỔ ĐÔNG LỚN								
1	Tổng công ty Cảng Hàng Không Việt Nam (ACV)	Cổ đông lớn	67.065.000	51,00%	-	-	67.065.000	51,00%
2	Công ty CP Hoàn Lộc Việt	Cổ đông lớn	26.380.594	20,06%	-26.369.594	-20,05%	11.000	0,01%
II NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC								
1	CT TNHH XNK Liên Thái Bình Dương	Nhà đầu tư chiến lược	21.040.000	16,00%	10.589.500	8,05%	31.629.500	24,05%
2	CT TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	Nhà đầu tư chiến lược	6.575.000	5,00%	-	-	6.575.000	5,00%
3	CT TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	Nhà đầu tư chiến lược	3.419.000	2,60%	15.780.000	12,00%	19.199.000	14,60%

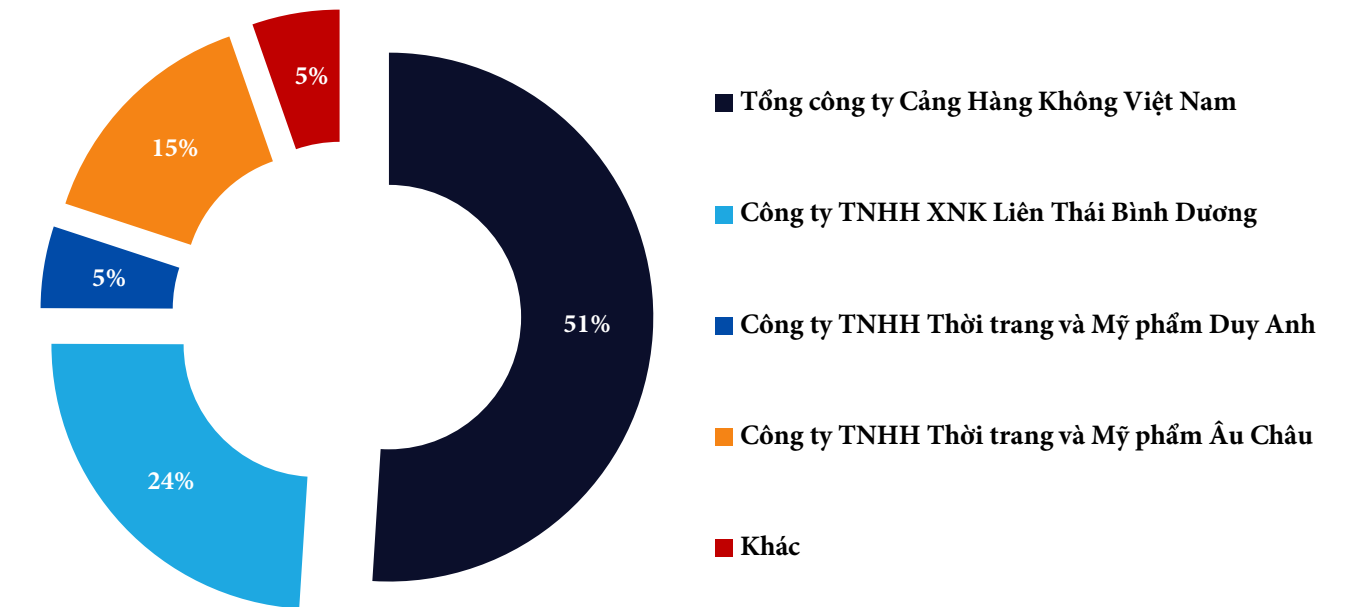
DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2016		Số cổ phiếu thay đổi (giảm) trong kỳ		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2016	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ								
1	Bà Đoàn Thị Mai Hương	Chủ tịch HĐQT	6.100	0,005%	-	-	6.100	0,005%
2	Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên HĐQT	-	0,000%	-	-	-	0,000%
3	Ông Phan Lê Hoan	Thành viên HĐQT	-	0,000%	-	-	-	0,000%
4	Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên HĐQT	-	0,000%	-	-	-	0,000%
5	Ông Nguyễn Hạnh	Thành viên HĐQT	-	0,000%	-	-	-	0,000%
II BAN GIÁM ĐỐC								
1	Bà Đoàn Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc	6.100	0,005%	-	-	6.100	0,005%
2	Nguyễn Văn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	4.100	0,003%	-	-	4.100	0,003%
3	Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	4.000	0,003%	-	-	4.000	0,003%
III BAN KIỂM SOÁT								
1	Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng Ban	-	-	-	-	-	-
2	Ông Lưu Quốc Hoàng	Thành viên	-	-	-	-	-	-
3	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên	-	-	-	-	-	-
IV TỔNG CỘNG								
			14.200	0,011%	-	-	14.200	0,011%

TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU

STT	Đối tượng	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2016	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà Nước	67.065.000	51,0%	1	1	-
2	Cổ đông sở hữu 2,5% SLCP trở lên	57.414.594	43,7%	3	3	-
	- Trong nước	57.414.594	43,7%	3	3	-
	- Nước ngoài	-	0,0%	-	-	-
3	Cổ đông khác	7.020.406	5,3%	1.175	8	1.167
	- Trong nước	6.538.206	4,9%	1.167	5	1.162
	- Nước ngoài	482.200	0,4%	8	3	5
TỔNG CỘNG		131.500.000	100,0%	1.179	12	1.167

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2016



Đánh giá hoạt động Công ty

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2016

Tại đại hội thường niên năm 2016, ông Phan Vũ Tuấn đã có đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đồng thời Đại hội đã bầu bổ sung ông Nguyễn Hạnh làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế ông Phan Vũ Tuấn từ tháng 4 năm 2016.

Hoạt động Hội đồng quản trị trong năm 2016

Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành 55 Nghị Quyết/ Quyết định (39 Nghị quyết và 16 Quyết định). Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Chi tiêu	Chức danh	Số buổi tham dự	Tỷ lệ dự họp
Bà Đoàn Thị Mai Hương	CT.HĐQT	5	100%
Ông Phan Lê Hoan	TV.HĐQT	5	100%
Ông Đặng Tuấn Tú	TV.HĐQT	5	100%
Ông Nguyễn Hạnh	TV.HĐQT	5	100%
Bà Lê Hồng Thủy Tiên	TV.HĐQT	5	100%

Hoạt động giám sát Ban Giám đốc Công ty: HĐQT đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2016 của Tổng Giám đốc bằng các phương pháp như sau:

- Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý để xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời điều chỉnh chính sách và chiến lược kinh doanh của Công ty cho phù hợp tình hình thực tế, phân tích đo lường rủi ro và giải quyết kịp thời các vấn đề, vướng mắc phát sinh.
- Ngoài các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị xem xét và

cho ý kiến bằng văn bản với các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài kế hoạch hoặc vượt thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, với tư cách là giám sát viên đại diện cho cổ đông, HĐQT tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban Kiểm soát một cách cởi mở, từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành.
- Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban hàng quý với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt, nghe báo cáo, cùng phân tích theo sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời nắm bắt tình hình thị trường và trạng thái kinh doanh để báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị xem xét điều chỉnh, ra quyết định khi thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh diễn biến bất thường.

Kết quả giám sát: Năm 2016, cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất tiếp tục tăng trưởng nóng với ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường. Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác cải tiến chất lượng dịch vụ cũng như việc giữ vững vị thế tại thị trường dịch vụ thương mại phi hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất. Với một tinh thần quyết liệt không ngại khó khăn thách thức để đưa SASCO tiến thêm một bước lớn quan trọng, Hội đồng quản trị đánh giá cao việc Công ty hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao trong năm 2016.

Kết luận: Căn cứ Điều lệ, những quy chế quản trị và quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị đã phân cấp cho Ban Tổng Giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và chương trình hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho. Đồng thời, Hội đồng quản trị bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời xem xét để xử lý các phát sinh ngoài kế hoạch cũng như quyết định những nội dung vượt phân cấp của Ban Tổng Giám đốc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Định hướng hoạt động

Năm 2017 dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà tăng trưởng, mặc dù vậy Công ty có thể tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức như: biến động môi trường kinh doanh, chi phí khai thác tăng. Tuy nhiên, tiếp bước với thành quả đã đạt được SASCO tự tin tiếp tục hướng tới năm 2017 thành công với các chỉ tiêu kế hoạch tài chính quan trọng bao gồm:

- Tổng doanh thu dự kiến 2.287.020 triệu đồng
- Doanh thu thuần SXKD dự kiến 2.217.120 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế dự kiến 220.798 triệu đồng.

Để đạt được các mục tiêu trên, Hội đồng quản trị SASCO xác định các định hướng hoạt động chủ yếu bao gồm:

Tiếp tục chiến lược phát triển bền vững: Khẳng định và quyết tâm giữ vững vị thế SASCO là nhà cung cấp dịch vụ thương mại hàng không hàng đầu, phát triển hệ thống

phân phối bán lẻ song song với việc đảm bảo hiệu quả quản trị và kiểm soát hoạt động. Cần đổi mới hài hòa lợi ích khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.

Tập trung chiến lược gia tăng lợi nhuận:

Đẩy mạnh toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung gia tăng lợi nhuận hoạt động kinh doanh, và đẩy mạnh nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh, sự khác biệt trong mỗi sản phẩm. Thực hiện kiểm soát chặt chi phí hoạt động, đẩy mạnh công tác tiết kiệm chi phí trên toàn hệ thống từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

Nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm:

Tăng cường gắn kết, chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm góp phần xây dựng niềm tin của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ của Công ty qua những trải nghiệm dịch vụ hoàn hảo.

Báo cáo Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát (BKS) gồm ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra. Hoạt động của Ban Kiểm Soát được thực hiện dựa trên các quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát, và Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2016.

Trong năm 2016, Ban Kiểm Soát đã tổ chức hai (02) cuộc họp chính thức, thông qua các vấn đề sau: Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát, Kế hoạch làm việc của BKS năm 2016, Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban, Thực hiện việc giám sát hoạt động Công ty.

Ngoài hai phiên họp chính, BKS còn thực hiện các cuộc trao đổi công việc giữa các thành viên BKS qua email, điện thoại nhằm đảm bảo hoạt động của BKS được kịp thời, liên tục.

Trong năm 2016, Ban Kiểm Soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty như sau:

- Tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và hội nghị giao ban của Ban Tổng Giám Đốc.
- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các Quy chế, Quy định trong Công ty, việc chấp hành chế độ chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội Đồng Quản Trị và quyết định của Ban Tổng Giám Đốc.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2016.
- Giám sát việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của SASCOS.
- Giám sát các biện pháp tiết kiệm chi phí Công ty.
- Soát xét Báo cáo tài chính hàng quý năm 2016.
- Kiểm tra tình hình thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản.
- Xem xét, đóng góp ý kiến trong việc ban hành các Quy chế, Quy định

Kết quả kiểm soát năm 2016:

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị Công ty SASCOS đã thực hiện

nhiệm vụ và quyền hạn trong việc chỉ đạo, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty theo thẩm quyền:

- Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua.
- Phê duyệt kế hoạch SXKD của các Đơn vị, Chi nhánh phù hợp nhu cầu tăng trưởng và tình hình hoạt động năm 2016.
- Thông qua chủ trương, nội dung đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy chế của Công ty.
- Thực hiện chỉ đạo, hỗ trợ cho Ban Tổng Giám Đốc điều hành công tác sản xuất, kinh doanh.
- Kiện toàn nhân sự cho Ban Tổng Giám Đốc và điều động, bổ nhiệm một số cán bộ quản lý các Phòng chức năng thuộc thẩm quyền Hội Đồng Quản Trị.
- Thực hiện việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016.
- HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo Điều lệ quy định. Cụ thể, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp trong năm 2016. Bên cạnh đó, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các Thành viên bằng văn bản để ra quyết định kịp thời.
- Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành 39 Nghị quyết. Các Nghị quyết đã được triển khai thực hiện. Một số nội dung của Nghị quyết đang và tiếp tục thực hiện trong năm 2017.

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty như sau:

- Tuân thủ đúng quy định quản lý Công ty.
- Hoạt động, điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được phân công, phân cấp.
- Triển khai công việc theo các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.
- Chỉ đạo các Phòng chức năng, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo quy định về tổ chức và chức năng nhiệm vụ, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội Đồng Quản Trị.

- Ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nhằm tăng cường quản lý hoạt động của SASCOS.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động

Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc đã duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp, trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của Cổ đông,

tuân thủ các quy định của Pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty. Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban Kiểm Soát thực hiện chức năng của mình. Các kiến nghị của Ban Kiểm Soát được Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc xem xét đầy đủ và điều chỉnh kịp thời.

Chỉ số tài chính	Năm 2016	Năm 2015
Tỷ số thanh toán hiện hành	2,08	1,59
Tỷ số thanh toán nhanh	1,56	1,21
Tỷ số nợ	0,28	0,33
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần	11.2%	0.6%
Tỷ suất sinh lợi trên tài sản	11.6%	0.6%
Tỷ suất sinh lợi trên vốn góp của chủ sở hữu	17.8%	0.9%

Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2016

Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2016 và tình hình tài chính của SASCOS tại ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành khác về kế toán.

Đánh giá kết quả kinh doanh

Sau hai năm đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, SASCOS đã nỗ lực chuyển mình, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông qua các chương trình hành động cụ thể đã được Ban điều hành SASCOS triển khai thực hiện.

Các chỉ số trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty tăng trưởng tốt và bảo toàn vốn. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của SASCOS tăng trưởng mạnh hơn năm 2015 do:

- Bên cạnh sự gia tăng doanh thu, Công ty còn thực hiện tốt công tác kiểm soát giá vốn hàng chế biến và dịch vụ.
- Công ty đã thoái vốn thành công một số khoản đầu tư và mang lại lợi nhuận tăng thêm cho mảng hoạt động tài chính.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	% Kế hoạch
Tổng doanh thu	2.274.738	2.020.922	113%
Doanh thu thuần SXKD	2.089.075	1.977.769	106%
Lợi nhuận trước thuế	282.539	180.874	156%

Đơn vị: Triệu đồng

Kế hoạch Ban Kiểm soát năm 2017

Trong năm 2017, Ban Kiểm Soát sẽ tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của SASCOS cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và các Phòng chức năng liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2017 chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2017.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.
- Xem xét công tác xây dựng, và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm Soát.
- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Giao dịch bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

Đối tượng	Lương/thù lao	Thưởng	Tổng thu nhập
TV HĐQT không chuyên trách	376.000.000	756.237.840	1.132.237.840
Các thành viên BKS	311.000.000	414.321.795	725.321.795
Tổng cộng	687.000.000	1.170.559.635	1.857.559.635

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Họ tên	Quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu 01/01/2016		Số cổ phiếu sở hữu 31/12/2016		Lý do tăng, giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Công ty CP Hoàn Lộc Việt	Cổ đông lớn	26.380.594	20,06%	11.000	0,01%	Cơ cấu danh mục đầu tư
CT TNHH XNK Liên Thái Bình Dương	Cổ đông chiến lược	21.040.000	16,00%	31.629.500	24,05%	Mua cổ phiếu trên sàn
CT TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	Cổ đông chiến lược	3.419.000	2,60%	19.199.000	14,60%	Mua cổ phiếu trên sàn

Giao dịch với các bên liên quan khác trong năm

Giao dịch với bên liên quan	Giá trị (đồng)
GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT	35.547.913.572
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	239.218.365
Chi hộ vé máy bay	109.071.000
Mua dịch vụ bảo dưỡng xe	8.245.595.685
Chi hộ lương nhân viên	
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	
Mua hàng	3.020.416.406
Lãi liên doanh được chia	559.305.919
Chi phí thuê khu du lịch	-
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	
Bán hàng hóa, dịch vụ	73.570.866

Giao dịch với bên liên quan	Giá trị (đồng)
Thuê mặt bằng	132.300.000
Thuê cây cảnh trang trí	856.232.816
Mua hàng hóa	18.547.718.646
Hỗ trợ bán hàng	25.000.000
Trả hàng	-
Cổ tức nhận được	264.000.000
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt	
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-
Mua hàng và dịch vụ	-
Các khoản chi hộ về thuê mặt bằng	-
Thu chi hộ khác	240.761.592
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	
Bán hàng hóa	431.592.426
Mua hàng hóa	2.803.129.851
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO LIÊN QUAN KHÁC	2.014.040.196
Công ty cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	1.254.116.046
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	173.209.160
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	70.844.000
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	515.870.990
GIAO DỊCH KHÁC VỚI BÊN LIÊN QUAN KHÁC	324.616.212.180
Công ty Cổ phần vận tải hàng Không Miền Nam	
Thu chi hộ tiền thuê mặt bằng	11.126.021.122
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	
Mua hàng và cung cấp dịch vụ trong năm	221.063.220.763
Mua hộ vé máy bay và các dịch vụ khác	15.610.116.900
Tiến bán cổ phần phải nộp	-
Phải nộp chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	34.990.602.020
Phải trả về cổ phần hóa	519.973.516
Lợi nhuận và các quỹ phải nộp	38.090.616.559
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	
Các nghiệp vụ thu chi hộ	2.535.963.000
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	
Các nghiệp vụ thu chi hộ	679.698.300



Trách nhiệm
Môi trường
và xã hội

Tổng quan trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong xu hướng chung của thời đại về phát triển bền vững, SASCO luôn chú trọng đến tầm ảnh hưởng của các bên liên quan dù mức độ tác động lớn hay nhỏ



KHÁCH HÀNG

Lấy "Sự hài lòng của khách hàng làm thước đo đánh giá sự thành công", mỗi cán bộ nhân viên phải quan tâm, lắng nghe trên tinh thần cầu thị và sẵn sàng.

CỔ ĐÔNG

Thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch hoạt động SXKD.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Yếu tố con người là cốt lõi của sự phát triển, SASCO luôn áp dụng chế độ phúc lợi, chính sách đãi ngộ hấp dẫn, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết cho CBNV.

CỘNG ĐỒNG

Tăng cường các hoạt động đối ngoại, các hoạt động tổ chức cho cộng đồng để truyền thông nhằm nâng cao danh tiếng Công ty.

NHÀ NƯỚC

Tăng cường mối quan hệ tốt với Chính phủ và các Bộ, Ban ngành nhưng không lợi dụng những mối quan hệ này để đạt lợi ích bất chính.

MÔI TRƯỜNG

Cam kết đặt yếu tố môi trường lên trên sự phát triển, hạn chế đến mức tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Với niềm tự hào truyền thống nhân văn của người Việt, văn hóa doanh nghiệp SASCO không chỉ là đồng hành cùng các cổ đông, khách hàng, đối tác hay chăm lo đời sống người lao động, mà còn thực hiện các hoạt động vì cộng đồng, xã hội.

SASCO xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên khát vọng tự hào về giá trị dân tộc, bản lĩnh và truyền thống yêu nước nhân văn của người Việt. Văn hóa này không chỉ thể hiện ở sự chăm lo đời sống cho người lao động, mà còn là các hoạt động vì sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Đây cũng là tiêu chí phát triển bền vững chỉ có tại những doanh nghiệp uy tín hàng đầu.



Đối với Khách hàng, đối tác

Hợp tác chân thành với tôn chỉ uy tín đặt lên làm đầu và luôn quan tâm đến lợi ích của Khách hàng, đối tác. Thực hiện phương châm hợp tác "cùng thành công" để có sự gắn bó lâu bền và cùng phát triển. Thực hiện các hoạt động tiếp thị & phát triển sản phẩm, dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm, dịch vụ hiện tại để ngày càng nâng cao chất lượng hướng đến mang lại giá trị tốt hơn cho khách hàng.

Đối với Cổ đông, Nhà đầu tư

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tối đa hóa giá trị Công ty, nâng cao lợi ích của Cổ đông. Xây dựng bộ phận quan hệ cổ đông để chủ động minh bạch thông tin về tình hình hoạt động Công ty, báo cáo tài chính trên các phương

tiện truyền thông đại chúng, trang mạng và các ấn phẩm của Công ty.

Đối với Người lao động

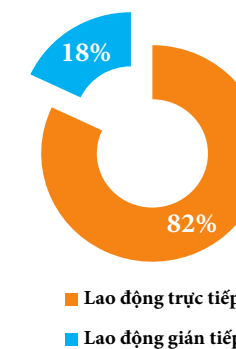
Công ty tiếp tục duy trì một môi trường làm việc hiệu quả, gắn liền với chế độ đãi ngộ hợp lý, thu hút. Nguồn nhân lực được xác định là một trong những tài sản vô giá của SASCO, do đó Công ty luôn phát triển các chương trình để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng, thân thiện và an toàn. Đảm bảo cho CBNV có công việc làm và nguồn thu nhập ổn định.

SASCO tổ chức làm việc 8 giờ/ ngày, 5 ngày/ tuần (đối với Khối Văn phòng) và luân phiên 7 ngày/ tuần (đối với bộ phận Dịch vụ). CBNV được hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Luật Lao động.

Lực lượng lao động

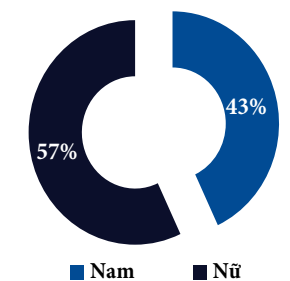
Bình quân tổng số lao động cuối năm là 1.290 người.

Cơ cấu lao động theo hoạt động



Do đặc thù hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ của Công ty, nên khối lao động trực tiếp chiếm phần lớn tỷ trọng. Tỷ lệ Nam - Nữ khá đồng đều trong lực lượng lao động của SASCO xét theo giới tính, đảm bảo công bằng về giới tính trong tuyển dụng.

Cơ cấu lao động theo giới tính



Đối với Cộng đồng

Nối tiếp truyền thống từ nhiều năm qua, SASCO đã tài trợ nhiều hoạt động từ thiện vì cộng đồng trên cả nước. Tất cả những hoạt động mà SASCO tổ chức đều hướng đến việc hỗ trợ cho người nghèo, tri ân các gia đình thương binh, liệt sỹ, phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, trợ cấp cho các đối tượng chính sách và trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn.



Trong năm, một số hoạt động tiêu biểu như: Đến thăm và tặng quà cho

SASCO luôn quan niệm, “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp” không phải là “Trách nhiệm”, đó đều là những hành động thiết thực xuất phát từ tâm. Chúng tôi luôn gắn kết hài hòa hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác xã hội, vì mục tiêu phát triển bền vững một cách tổng thể

con em Hội thanh niên khuyết tật TP HCM với số tiền 10 triệu đồng; Trao tặng 50 phần quà cho trẻ em nghèo tại xã Bình Trinh Đông, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; thăm và tặng quà 3 bà mẹ Việt Nam anh hùng tại huyện Tân Trụ, Long An; Tài trợ chiến dịch Mùa hè xanh 2016, trao tặng 20 phần học bổng cho học sinh xã An Nhơn, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.



Trách nhiệm phát triển kinh tế và đóng góp Ngân sách Nhà Nước

Đối với nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế, SASCO đã khẳng định trách nhiệm

bằng những đóng góp tích cực cho Ngân sách Nhà nước hàng năm. Với quy mô hoạt động kinh doanh luôn được mở rộng thêm các sản phẩm thương mại và dịch vụ, tốc độ tăng trưởng tốt về doanh số và lợi nhuận, SASCO luôn nằm trong nhóm những tổ chức kinh tế nộp thuế tích cực cho Ngân sách Nhà nước.

Là đơn vị cung cấp dịch vụ thương mại phi hàng không hàng đầu tại Việt Nam, SASCO luôn ghi nhớ giữ gìn hình ảnh và nét đẹp văn hóa, góp phần xây dựng hình ảnh một sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất phát triển năng động nhất Việt Nam trong con mắt bạn bè quốc tế.

Năm 2016, SASCO tiếp tục duy trì phát triển các sản phẩm thương mại dịch vụ truyền thống, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng mà còn là động lực phát triển của địa phương. SASCO luôn

nhìn nhận, sứ mệnh của mình không chỉ là cam kết nhân rộng sự phục vụ tận tình, chu đáo đến khách hàng ở trong và ngoài nước, mà còn mong muốn đem lại công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động, góp phần ổn định cuộc sống và an sinh xã hội.

Năm 2016, SASCO cùng với các bên liên quan của mình tiếp tục hợp tác trên con đường cùng chung tay phát triển và tạo ra giá trị bền vững cho xã hội.

Tổng hợp nộp Ngân sách Nhà Nước trong các năm qua của SASCO

Năm	Nộp ngân sách Nhà Nước
2012	70.700 triệu đồng
2013	83.480 triệu đồng
2014	67.411 triệu đồng
2015	107.679 triệu đồng
2016	91.003 triệu đồng

Phát triển bền vững là một hình thái phát triển trong đó nguồn lực được con người khai thác và sử dụng nhằm phục vụ nhu cầu của nhân loại song song với việc bảo vệ môi trường, nhờ đó những nhu cầu này không chỉ được đáp ứng ở hiện tại mà còn trong tương lai. — Theo định nghĩa của Ủy ban Brundtland của Liên Hợp Quốc

“ SASCO luôn ý thức việc sử dụng năng lượng và tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả là vấn đề hết sức quan trọng, song hành với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trách nhiệm xây dựng môi trường làm việc xanh

“Hành động nhỏ – Ý nghĩa lớn”, cùng chung tay xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch và khoa học là điều mà mọi thành viên SASCO đều ý thức và không ngừng hoàn thiện. Năm 2016, SASCO tiếp tục thực hiện chương trình văn phòng xanh tại Công ty với việc thành công trong hình thành thói quen và dần ăn sâu vào hành động của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty. Cụ thể:

Quản lý nguồn sản phẩm, nguồn nhiên liệu "sạch": các đơn hàng nguyên liệu, sản phẩm từ nhà cung cấp, đơn vị phân phối đều được đơn vị thu mua thẩm định, kiểm soát nguồn gốc, chất lượng đảm bảo phù hợp với môi trường xã hội.

Cam kết tuân thủ thực hiện quy định bảo vệ môi trường

SASCO cam kết thực hiện kiểm soát các hoạt động kinh doanh của Công ty không vi phạm các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến việc tác động môi trường.

Với truyền thống hơn 23 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty tự hào với những đóng góp thiết thực của Công ty trong quá trình phát triển kinh tế đất nước gắn liền với hoạt động bảo vệ môi trường. Thông qua đó, Công ty muốn gửi tới thông điệp: Mỗi người, mỗi doanh nghiệp cùng cố gắng làm một việc có ích cho sự phát triển bền vững của cộng đồng, cùng nhau xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn tại Việt Nam vì tương lai của chính mỗi người, mỗi doanh nghiệp trong đó.





Báo cáo Kiểm toán 2016

Báo cáo

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đoàn Thị Mai Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Vũ Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Phước Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2016
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016
Ông Lưu Quốc Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đoàn Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Chí Công	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đoàn Thị Mai Hương (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.


Thay mặt Hội đồng quản trị,
Đoàn Thị Mai Hương
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số: /2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2017, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc trong năm 2016 Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 3379/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2016 về việc xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty chuyển sang công ty cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2014), quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP và theo đó Công ty còn phải nộp phần vốn Nhà nước tăng thêm (nếu có) về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam sau khi được Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh quyết định giá khu đất 10.316m² tại xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.



Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 1257-2013-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Chú thích	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.169.528.960.950	1.060.463.880.732
Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	489.855.566.371	508.015.455.956
Tiền		117.592.677.482	269.015.455.956
Các khoản tương đương tiền		372.262.888.889	239.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn		72.000.000.000	122.851.577.500
Chứng khoán kinh doanh	V.2a	28.644.000.000	28.851.577.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	V.2a	(28.644.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	72.000.000.000	94.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		293.708.469.618	168.791.738.344
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	99.894.251.489	144.383.270.908
Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	15.412.613.498	10.447.170.797
Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	229.865.395.268	64.866.634.851
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(51.463.790.637)	(50.905.338.212)
Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
Hàng tồn kho		293.609.648.447	253.408.780.078
Hàng tồn kho	V.7	293.609.648.447	253.408.780.078
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
Tài sản ngắn hạn khác		20.355.276.514	7.396.328.854
Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	6.071.671.432	3.264.033.296
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13.063.709.567	451.285.217
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	1.219.895.515	3.681.010.341

Chỉ tiêu	Chú thích	Số cuối năm	Số đầu năm
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
Tài sản ngắn hạn khác		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN		854.340.238.702	932.504.484.446
Các khoản phải thu dài hạn		252.588.230.217	205.611.410.929
Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
Phải thu dài hạn khác	V.5b	474.221.101.176	433.127.353.441
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.6	(221.632.870.959)	(227.515.942.512)
Tài sản cố định		231.747.358.723	222.725.670.830
Tài sản cố định hữu hình	V.9	201.717.188.726	186.993.653.892
<i>Nguyên giá</i>		499.871.863.823	472.207.489.424
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(298.154.675.097)	(285.213.835.532)
Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	4.065.636.360	-
<i>Nguyên giá</i>		4.065.636.360	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		-	-
Tài sản cố định vô hình	V.11	25.964.533.637	35.732.016.938
<i>Nguyên giá</i>		33.096.409.799	42.544.298.799
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(7.131.876.162)	(6.812.281.861)
Bất động sản đầu tư	V.12	32.243.749.055	32.243.749.055
<i>Nguyên giá</i>		37.252.913.794	37.252.913.794
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
Tài sản dở dang dài hạn		37.627.863.204	34.947.269.133

Chỉ tiêu	Chú thích	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	37.627.863.204	34.947.269.133
Đầu tư tài chính dài hạn		254.159.762.605	400.415.928.769
Đầu tư vào công ty con		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2c	178.277.281.987	290.077.281.987
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	100.045.701.500	125.238.936.500
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.2c	(24.163.220.882)	(14.900.289.718)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
Tài sản dài hạn khác		45.973.274.898	36.560.455.730
Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	34.465.029.409	35.656.394.107
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.14	11.508.245.489	904.061.623
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
Tài sản dài hạn khác		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.023.869.199.652	1.992.968.365.178
NỢ PHẢI TRẢ		565.676.922.922	666.315.130.728
Nợ ngắn hạn		562.722.398.922	666.215.130.728
Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	315.465.446.485	301.809.862.962
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	944.693.786	1.137.201.346
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	4.343.466.713	51.909.692.765
Phải trả người lao động	V.18	57.026.159.458	58.341.567.834
Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	24.640.927.320	217.922.082
Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20	3.963.506.868	3.563.725.787
Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	11.839.818.354	62.832.586.656

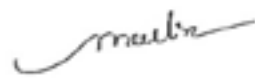
Chỉ tiêu	Chú thích	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	119.374.957.640	170.605.120.174
Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	25.123.422.298	15.797.451.122
Quỹ bình ổn giá		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
Nợ dài hạn		2.954.524.000	100.000.000
Phải trả người bán dài hạn		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
Chi phí phải trả dài hạn		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
Phải trả dài hạn khác	V.21b	357.724.000	100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	2.596.800.000	-
Trái phiếu chuyển đổi		-	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.458.192.276.730	1.326.653.234.450
Vốn chủ sở hữu		1.458.192.276.730	1.326.653.234.450
Vốn góp của chủ sở hữu	V.24	1.315.000.000.000	1.315.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.315.000.000.000	1.315.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Thặng dư vốn cổ phần		-	-

Chỉ tiêu	Chú thích	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	V.24	582.661.723	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.24	142.609.615.007	11.653.234.450
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
lũy kế đến cuối kỳ trước		-	11.653.234.450
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		142.609.615.007	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC		-	-
Nguồn kinh phí		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.023.869.199.652	1.992.968.365.178

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017



Hoàng Đôn Huấn
Người lập biểu



Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.089.116.052.888	1.996.196.306.275
Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	40.871.100	24.688.989
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.089.075.181.788	1.996.171.617.286
Giá vốn hàng bán	VI.3	1.202.047.138.186	1.254.719.833.927
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		887.028.043.602	741.451.783.359
Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	174.713.526.761	64.227.385.074
Chi phí tài chính	VI.5	55.788.580.863	48.739.830.189
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		<i>1.580.542.103</i>	<i>1.701.712.684</i>
Chi phí bán hàng	VI.6	473.404.728.261	392.332.658.365
Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	212.672.579.581	457.864.096.471
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		319.875.681.658	(93.257.416.592)
Thu nhập khác	VI.8	10.949.234.491	183.731.056.101
Chi phí khác	VI.9	48.285.659.787	6.101.397.621
Lợi nhuận khác		(37.336.425.296)	177.629.658.480
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		282.539.256.362	84.372.241.888
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	59.031.513.253	72.462.899.399
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(10.604.183.866)	256.108.039
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		234.111.926.975	11.653.234.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.584	72

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017



Hoàng Đôn Huấn
Người lập biểu



Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	282.539.256.362	84.372.241.888
Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	44.553.228.143	66.785.422.731
Các khoản dự phòng	32.582.312.036	293.321.570.442
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.671.033.285	18.853.282.950
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(167.436.779.993)	(233.823.021.578)
Chi phí lãi vay	1.580.542.103	1.701.712.684
Các khoản điều chỉnh khác	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	204.489.591.936	231.211.209.117
Tăng, giảm các khoản phải thu	(30.758.014.427)	(4.129.705.224)
Tăng, giảm hàng tồn kho	(40.200.868.369)	(29.764.005.217)
Tăng, giảm các khoản phải trả	49.864.056.148	(72.387.750.915)
Tăng, giảm chi phí trả trước	15.846.837.405	17.915.765.347
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	207.577.500	-
Tiền lãi vay đã trả	(1.599.075.493)	(1.752.032.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(99.855.423.132)	(40.691.507.723)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(75.167.830.500)	(35.439.050.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	22.826.851.068	64.962.922.232
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(63.090.671.363)	(35.718.998.335)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.245.009.620	131.368.318.519
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(125.000.000.000)	(56.000.000.000)

Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	147.000.000.000	20.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(113.800.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	89.541.357.000	20.522.800.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	63.696.252.644	76.851.230.371
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	115.391.947.901	43.223.350.555
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-
Tiền thu từ đi vay	542.795.141.228	571.428.072.210
Tiền trả nợ gốc vay	(595.091.146.266)	(519.745.777.617)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(1.176.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(103.195.233.926)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(156.667.238.964)	51.682.294.593
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(18.448.439.995)	159.868.567.380
Tiền và tương đương tiền đầu năm	508.015.455.956	347.608.843.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	288.550.410	538.044.879
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	489.855.566.371	508.015.455.956

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017



Hoàng Đôn Huấn
Người lập biểu



Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất nước nậm; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp bấm huyệt đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

• Trong năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị số 09-2016/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 3 năm 2016.

• Ngày 30 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thoái vốn 100% vốn tại Công ty TNHH Nova Sasco (Công ty liên kết) theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị số 38-2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016.

• Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 3379/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2016 về việc xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty chuyển sang công ty cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2014), quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, trong đó Công ty còn phải nộp phần vốn Nhà nước tăng thêm (nếu có) về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam sau khi được Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh quyết định giá khu đất 10.316m² tại xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	HĐKD chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	49,79%	49,79%	49,79%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	HĐKD chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Số 47 đường Nguyễn Huệ, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH)	Leipziger Str.54, VH, EG 10G-10117 Berlin, Đức	Đại lý vé máy bay, dịch vụ du lịch, xuất nhập khẩu, thương mại	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	Số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; Cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; Cho thuê cây	24,00%	24,00%	24,00%
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	Số 415B đường Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ, thương mại	20,00%	20,00%	20,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc	Số 379 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội	Số 50, ngõ 41, Thái Hà, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An	Lô Q-1B Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay..

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.289 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.116 nhân viên).

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.393.188.656	8.754.651.428
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	103.949.562.186	259.191.169.994
Tiền đang chuyển (i)	1.249.926.640	1.069.634.534
Các khoản tương đương tiền (ii)	372.262.888.889	239.000.000.000
Cộng	489.855.566.371	508.015.455.956

(i) Thẻ tín dụng thu của khách hàng.

(ii) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu				
Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á	28.644.000.000	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-
Công ty Cổ phần dược Cần Giờ	-		207.577.500	-
Cộng	28.644.000.000	(28.644.000.000)	28.851.577.500	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung (*)	28.644.000.000	-
Số cuối năm	28.644.000.000	-

(*) Trong năm, Công ty lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á do nhận thấy không có khả năng thu hồi được khoản đầu tư này vì cổ phiếu này không còn giao dịch trên thị trường..

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 06 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178.277.281.987	(24.163.220.882)	290.077.281.987	(14.900.289.718)
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất (i)	149.376.730.000	(9.262.931.164)	149.376.730.000	-
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco(ii)	10.800.262.269	-	10.800.262.269	-
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) (iii)	14.900.289.718	(14.900.289.718)	14.900.289.718	(14.900.289.718)
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh(iv)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Nova Sasco(v)	-	-	111.800.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh(vi)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	100.045.701.500	-	125.238.936.500	-
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	8.696.000.000	-	8.696.000.000	-
Công ty Cổ phần suất ăn hàng không sân bay Nội Bài	11.810.450.000	-	11.810.450.000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng (vii)	-	-	25.193.235.000	-
Công ty Cổ phần địa ốc Thảo Điền	44.732.290.000	-	44.732.290.000	-
Công ty Cổ phần thương mại Sabeco Trung tâm	70.000.000	-	70.000.000	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (Trước đây là Công ty Cổ phần Thành Ngọc)	11.542.176.000	-	11.542.176.000	-
Công ty Cổ phần xây dựng công nghiệp	4.930.000.000	-	4.930.000.000	-
Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	15.464.785.500	-	15.464.785.500	-
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
Cộng	278.322.983.487	(24.163.220.882)	415.316.218.487	(14.900.289.718)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 24 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 VND, tương đương 49,79% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 ngày 12 tháng 4 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần 03 ngày 12 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) 29% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh.

(v) Trong năm, Hội đồng quản trị đã chấp thuận thông qua việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Nova Sasco theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 38-2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016 với giá chuyển nhượng là 201.125.000.000 VND.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh 2.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

(vii) Trong năm, Hội đồng quản trị đã chấp thuận thông qua việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Số 09-2016/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Giá trị hợp lý: Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết: Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2016 tại Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh được thành lập vào thời điểm cuối năm 2015 và hiện nay vẫn chưa phát sinh các hoạt động đáng kể. Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.900.289.718	-
Trích lập dự phòng bổ sung	9.262.931.164	14.900.289.718
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	24.163.220.882	14.900.289.718

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	239.218.365	172.466.492

Chi hộ vé máy bay	109.071.000	-
Mua dịch vụ bảo dưỡng xe	8.245.595.685	2.618.629.603
Chi hộ lương nhân viên		191.032.200
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco		
Mua hàng	3.020.416.406	1.534.692.498
Lãi liên doanh được chia	559.305.919	-
Chi phí thuê khu du lịch	-	1.363.636.368
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh		
Bán hàng hóa, dịch vụ	73.570.866	256.406.148
Thuê mặt bằng	132.300.000	-
Thuê cây cảnh trang trí	856.232.816	1.365.956.481
Mua hàng hóa	18.547.718.646	18.755.010.496
Hỗ trợ bán hàng	25.000.000	172.367.064
Trả hàng	-	11.721.000
Cổ tức nhận được	264.000.000	312.000.000
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt		
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-	11.026.600
Mua hàng và dịch vụ	-	1.124.780.900
Các khoản chi hộ về thuê mặt bằng	-	9.093.123.821
Thu chi hộ khác	240.761.592	237.049.071
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh		
Bán hàng hóa	431.592.426	-
Mua hàng hóa	2.803.129.851	145.638.180

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Năm nay	Năm trước
Phải thu các bên liên quan	9.278.235.163	64.142.771.832
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	2.616.968.000	3.526.280.500
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	831.074.278	49.450.000
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	843.489.100	201.745.900
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	37.860.000	128.235.200
Công ty TNHH Nova Sasco - phải thu tiền đến bù dự án	-	55.380.000.000
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	85.121.000	7.760.000
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	4.388.971.116	4.463.440.232
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu trời Xanh	474.751.669	-
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	-	385.860.000
Phải thu các khách hàng khác	90.616.016.326	80.240.499.076
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC)	18.749.047.206	17.312.236.343
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	14.533.667.100	14.485.336.700
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại nhựa Hòa Phát	7.362.413.400	12.364.318.400
Các khách hàng khác	49.970.888.620	36.078.607.633

	Năm nay	Năm trước
Cộng	99.894.251.489	144.383.270.908

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Trả trước cho bên liên quan	49.660.408	-
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	49.660.408	-
Trả trước cho các người bán khác	15.362.953.090	10.447.170.797
Công ty Cổ phần thương mại bia Sài Gòn Trung Tâm	4.420.531.500	3.594.228.000
Cobus Industries GmbH	2.852.938.199	-
Ban đền bù giải tỏa huyện Phú Quốc	5.742.808.362	1.448.232.958
Các nhà cung cấp khác	2.346.675.029	5.404.709.839
Cộng	15.412.613.498	10.447.170.797

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	53.880.229.214	43.230.431.455	46.234.878.978	43.765.684.331
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - Phải thu về Cổ phần hóa	-	-	2.442.367.047	-
Công ty liên doanh Cổ phần Nhà Việt - chi hộ tiền thuê mặt bằng và các khoản khác	43.230.431.455	43.230.431.455	43.765.684.331	43.765.684.331
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	-	-	26.827.600	-
Công ty Cổ phần vận tải hàng Không Miền Nam - Phải thu tiền chi hộ thuê mặt bằng	10.649.797.759	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	175.985.166.054	-	18.631.755.873	-
Công ty TNHH Đầu tư Bất động Sản Vạn An - phải thu tiền chuyển nhượng vốn trong	149.125.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Nova Sasco	-	-	1.185.564.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	497.473.191	-
Tạm ứng	527.028.342	-	3.346.656.148	-
Lãi dự thu của các ngân hàng	3.999.411.183	-	265.800.000	-
Ký quỹ	3.445.837.572	-	-	-
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - chi hộ tiền thuê đất	9.555.422.539	-	7.024.679.124	-
Công ty TNHH một thành viên xây dựng và kinh doanh nhà Phú Nhuận - thu hồi vốn và lãi bán nền nhà	1.733.428.375	-	2.430.156.375	-
Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài - trả trước tiền mua cổ phần	4.000.220.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.598.818.043	-	3.881.427.035	-
Cộng	229.865.395.268	43.230.431.455	64.866.634.851	43.765.684.331

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	221.632.870.959	221.632.870.959	227.515.942.512	227.515.942.512
Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)	221.632.870.959	221.632.870.959	227.515.942.512	227.515.942.512
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	252.588.230.217	-	205.611.410.929	-
Ký quỹ	22.326.934.605	-	22.694.074.605	-
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Ứng tiền cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú Quốc để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bàu tại ấp 04, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	162.389.278.838	-	122.408.685.500	-
Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn Sasco - Nha Trang	7.611.659.824	-	6.440.410.824	-
Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận - vốn góp hợp tác kinh doanh(*)	16.978.636.950	-	10.948.000.000	-
Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) - vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng	30.040.240.000	-	30.040.240.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	241.480.000	-	80.000.000	-
Cộng	474.221.101.176	221.632.870.959	433.127.353.441	227.515.942.512

(*) Trong năm, Công ty đã ghi tăng giá trị khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận 5.599.856.950 VND dựa trên kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (tổ kiểm toán tại thời điểm Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất) theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước tháng 01 năm 2016. Theo đó, Công ty đã ghi nhận tăng giá trị các tài sản đánh giá lại Theo Chứng thư thẩm định giá Số Vc 16/06/228/BĐS ngày 01 tháng 6 năm 2016 về thẩm định giá Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam. Giá trị tăng thêm này đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận theo Quyết định số 3379/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2016 về việc xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty chuyển sang Công ty cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2014).

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		269.252.273.531	-
Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)		269.252.273.531	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ trên 01 năm đến 03 năm	4.388.971.116	-
Chi hộ	Trên 03 năm	264.863.302.415	-
Các tổ chức và cá nhân khác		38.495.940.791	34.651.552.726
Phải thu tiền bán hàng	Từ dưới 06 tháng đến trên 03 năm	8.117.432.501	4.584.902.726
Trả trước cho người bán	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	338.268.290	26.410.000
Phải thu dài hạn khác	Trên 03 năm	30.040.240.000	30.040.240.000
Cộng		307.748.214.322	34.651.552.726

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	278.421.280.724	-
Hoàn nhập/trích lập dự phòng	-5.324.619.128	278.421.280.724
Số cuối năm	273.096.661.596	278.421.280.724

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.102.835.181	-	3.703.459.183	-
Công cụ, dụng cụ	1.245.678.821	-	990.939.066	-
Thành phẩm	397.391.664	-	-	-
Hàng hóa	286.820.288.811	-	248.681.778.001	-
Hàng gửi đi bán	43.453.970	-	32.603.828	-
Cộng	293.609.648.447	-	253.408.780.078	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bảo hiểm	961.284.528	521.513.726
Công cụ, dụng cụ	1.893.087.990	286.787.493
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.217.298.914	2.455.732.077
Cộng	6.071.671.432	3.264.033.296

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Lợi thế thương mại	25.833.707.808	38.750.561.695
Công cụ, dụng cụ	6.166.796.667	5.274.765.825
Chi phí sửa chữa lớn	2.041.275.514	2.037.905.206
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.614.614.118	1.660.731.632
Cộng	35.656.394.107	47.723.964.358

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	111.672.043.038	28.687.706.710	277.287.705.650	6.234.465.092	48.325.568.934	472.207.489.424
Mua trong năm	60.158.182	846.733.972	29.865.002.759	246.210.909	-	31.018.105.822
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.664.358.876	785.214.470	-	101.990.113	-	17.551.563.459
Điều chỉnh giảm theo Biên bản định giá tài sản (*)	9.934.834.664	-	-	-	1.597.305	9.936.431.969

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Thanh lý, nhượng bán	-361.993.923	-443.048.236	-19.012.039.857	-345.870.806	-2.110.540.350	-22.273.493.172
Giảm do phá dỡ tài sản hư hỏng	-563.032.030	-	-	-	-8.005.201.649	-8.568.233.679
Số cuối năm	137.406.368.807	29.876.606.916	288.140.668.552	6.236.795.308	38.211.424.240	499.871.863.823
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.331.871.000	16.532.805.579	92.022.872.774	3.086.889.120	27.505.572.811	140.480.011.284
Trong đó:						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	37.352.566.722	20.811.417.999	183.237.197.859	3.854.495.912	39.958.157.040	285.213.835.532
Khấu hao trong năm	8.883.831.602	2.489.222.788	28.831.885.666	649.550.964	2.840.181.890	43.694.672.910
Thanh lý, nhượng bán	-192.136.163	-405.961.664	-18.781.948.711	-303.374.327	-1.999.181.663	-21.682.602.528
Điều chỉnh giảm theo Biên bản định giá tài sản (*)	-1.051.343.459	-	-	-	-36.528.813	-1.087.872.272
Giảm do phá dỡ tài sản hư hỏng	-102.772.274	-	-	-	-7.880.586.271	-7.983.358.545
Số cuối năm	44.890.146.428	22.894.679.123	193.287.134.814	4.200.672.549	32.882.042.183	298.154.675.097
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	74.319.476.316	7.876.288.711	94.050.507.791	2.379.969.180	8.367.411.894	186.993.653.892
Số cuối năm	92.516.222.379	6.981.927.793	94.853.533.738	2.036.122.759	5.329.382.057	201.717.188.726
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tạm thời chưa sử dụng</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Đang chờ thanh lý</i>	-	-	-	-	-	-

(*) Trong năm, Công ty ghi tăng giá trị sử dụng của một số tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo Chứng thư thẩm định giá Số Vc16/08/356.1/BĐS ngày 01 tháng 8 năm 2016 về thẩm định giá công trình xây dựng của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam (thay thế cho chứng thư thẩm định giá Số Vc16/03/63/BĐS ngày 11 tháng 3 năm 2016) dựa trên kiến nghị của đoàn Thanh tra Chính phủ. Giá trị tài sản tăng thêm này đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận theo Quyết định số 3379/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2016 về việc xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2014).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Thuê tài chính trong năm	4.065.636.360
Số cuối năm	4.065.636.360

Giá trị hao mòn

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	-
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.065.636.360
Số cuối năm	4.065.636.360

Theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.0816/HĐCTTC-Sasco ngày 20 tháng 10 năm 2016, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	40.712.948.761	100.555.555	1.730.794.483	42.544.298.799
Mua trong năm	-	-	320.321.000	320.321.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-9.768.210.000	-	-	-9.768.210.000
Số cuối năm	30.944.738.761	100.555.555	2.051.115.483	33.096.409.799
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	100.555.555	1.730.794.483	1.831.350.038
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	4.986.169.926	100.555.555	1.725.556.380	6.812.281.861
Khấu hao trong năm	797.336.940	-	61.218.293	858.555.233
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-538.960.932	-	-	-538.960.932
Số cuối năm	5.244.545.934	100.555.555	1.786.774.673	7.131.876.162
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	35.726.778.835	-	5.238.103	35.732.016.938
Số cuối năm	25.700.192.827	-	264.340.810	25.964.533.637
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tạm thời chưa sử dụng</i>	-	-	-	-
<i>Đang chờ thanh lý</i>	-	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Tổn thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Số đầu năm	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055
Số cuối năm	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khu đất 10.316 m2 tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
Khu đất số 9,10,11 thuộc Khu đất 2.200 m2 và 1.000m2 tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m2 tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m2 tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
Khu đất 9.973 m2 tại ấp Rạch Chiếc, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m2 tại đường Nguyễn Chí Thành, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144
Cộng	37.252.913.794	5.009.164.739	32.243.749.055

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước chờ phân bổ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	755.820.000	-	-	755.820.000
Xây dựng cơ bản dở dang	34.947.269.133	27.710.199.305	-17.551.563.459	-8.233.861.775	36.872.043.204
Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)	23.878.121.666	1.216.172.052	-	-	25.094.293.718
Dự án khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bầu - Phú Quốc	2.460.621.313	19.255.364	-	-	2.479.876.677
Các dự án khác	8.608.526.154	26.474.771.889	-17.551.563.459	-8.233.861.775	9.297.872.809
Cộng	34.947.269.133	28.466.019.305	-17.551.563.459	-8.233.861.775	37.627.863.204

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau::

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Các chi phí phải trả	-	4.875.383.866	4.875.383.866
Khấu hao bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	904.061.623	-	904.061.623
Dự phòng đầu tư giảm giá chứng khoán ngắn hạn	-	5.728.800.000	5.728.800.000
Cộng	904.061.623	10.604.183.866	11.508.245.489

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá và chi phí an toàn hàng không. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

15. Phải trả người bán ngắn hạn

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	24.073.865.073	21.628.951.245
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - phải trả tiền cung cấp hàng hóa dịch vụ	19.968.107.154	17.309.735.568
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn - phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	56.137.939
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất - cung cấp dịch vụ	1.427.635.656	1.215.362.871
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh - cung cấp dịch vụ	1.624.800.917	1.906.790.918
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt - mua hàng và dịch vụ	972.955.510	995.285.769
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	80.365.836	145.638.180
Phải trả các nhà cung cấp khác	291.391.581.412	280.180.911.717
IPP Group (S) Pte.,Ltd	250.628.324.561	247.148.522.776
Các nhà cung cấp khác	40.763.256.851	33.032.388.941
Cộng	315.465.446.485	301.809.862.962

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Không có số dư trả trước của các bên liên quan. Các khoản trả trước chủ yếu là của các khách hàng tại chi nhánh Blue Lagoon.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.034.154.080	-	4.064.918.313	-10.806.243.325	292.829.068	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	5.286.428.412	-5.286.428.412	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	2.519.343.220	-2.519.343.220	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.868.700.099	-	59.031.513.253	-99.855.423.132	4.044.790.220	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.480.050	3.681.010.341	9.164.667.049	-6.703.169.590	1.862.683	1.219.895.515
Tiền thuê đất	-	-	10.727.817.320	-10.727.817.320	-	-
Các loại thuế khác	5.358.536	-	232.196.570	-233.570.364	3.984.742	-
Cộng	51.909.692.765	3.681.010.341	91.026.884.137	-136.131.995.363	4.343.466.713	1.219.895.515

Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Kinh doanh hàng miễn thuế, sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi: Không chịu thuế
- Dịch vụ vận tải hành khách quốc tế và xuất khẩu tại chỗ: 0%
- Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác: 05% - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000455 ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chiết rót, đóng chai nước mắm (quy mô 300.000 lít/năm) với thuế suất 22%, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính được từ năm thứ tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (Năm trước thuế suất là 22%). Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	282.539.256.362	84.372.241.888
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	63.170.629.135	286.478.421.429
- Các khoản điều chỉnh giảm	-7.938.403.645	-755.674.362
Thu nhập chịu thuế	337.771.481.852	370.094.988.955
Thu nhập được miễn thuế	-42.613.915.586	-40.744.473.693
Thu nhập tính thuế	295.157.566.266	329.350.515.262
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	59.031.513.253	72.457.113.358
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	5.786.041
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	59.031.513.253	72.462.899.399

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 22,473.60 m2 đất đang sử dụng tại số 45 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với mức 411.840 VND/m2.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2015/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2015 với tỷ lệ 27,5% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua - giá thành dịch vụ, sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao). Số dư cuối kỳ là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Tiền thuê đất tại đường Hồng Hà(*)	24.376.919.332	-
Chi phí lãi vay phải trả	23.590.470	42.123.860
Chi phí giá vốn tiền phòng khách sạn, phí đặt phòng	240.417.518	175.798.222
Cộng	24.640.927.320	217.922.082

(*) Trong năm 2016, Công ty đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Nova Saso theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 38-2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016. Do đó, Công ty đã tạm trích trước tiền thuê đất phải nộp tại đường Hồng Hà từ năm 2007 đến năm 2016 để thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với diện tích đất đã sử dụng.

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền trả trước về cho thuê. Không có doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan.

21. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Năm nay	Năm trước
Phải trả các bên liên quan	-	53.308.050.874
Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam	-	53.308.050.874
- Phải trả về Cổ phần hóa	-	2.945.696.787
- Chênh lệch đánh giá tài sản phải nộp	-	21.617.798.410
- Lợi nhuận, cổ tức phải trả	-	28.744.555.677
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	11.839.818.354	9.524.535.782
Kinh phí công đoàn	449.795.937	312.876.493
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.210.542.132	1.134.983.831
Cổ tức phải trả	236.805.200	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.942.675.085	8.076.675.458
Cộng	11.839.818.354	62.832.586.656

21b. Phải trả dài hạn khác: Các khoản ký quỹ dài hạn cho các tổ chức khác.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán: Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh Chi nhánh 7	-	55.863.165.302
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	-	53.088.804.318
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	-	35.589.860.493
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh(i)	59.079.991.285	26.063.290.061
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh(ii)	59.645.766.355	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số 22b)	649.200.000	-
Cộng	119.374.957.640	170.605.120.174

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên độ thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo chính sách của Ngân hàng công bố từng thời kỳ, thời hạn mỗi khoản vay không quá 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	170.605.120.174	118.922.825.581
Số tiền vay phát sinh	542.795.141.228	571.428.072.210
Số tiền vay đã trả	-595.091.146.266	-519.745.777.617
Kết chuyển từ nợ thuê tài chính dài hạn	649.200.000	-
Chênh lệch tỷ giá	416.642.504	-
Số cuối năm	119.374.957.640	170.605.120.174

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Thuê tài chính Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để mua xe với lãi suất năm 2017 là 7,8%/năm, từ năm 2018 đến năm 2021 lãi thuê phải trả theo lãi suất tại từng kỳ hạn điều chỉnh lãi do Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu thông báo. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống	649.200.000	
Trên 1 năm đến 5 năm	2.596.800.000	
Cộng	3.246.000.000	

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	649.200.000	2.596.800.000	3.246.000.000
Lãi thuê phải trả(i)	243.025.315	-	-
Nợ thuê tài chính phải trả	892.225.315	2.596.800.000	3.246.000.000
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	-	-	-
Lãi thuê phải trả	-	-	-
Nợ thuê tài chính phải trả	-	-	-

(i) Lãi thuê phải trả trong năm 2017 là 243.025.315 VND. Từ năm 2018 đến năm 2021 lãi thuê phải trả theo lãi suất tại từng kỳ hạn điều chỉnh lãi do Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu thông báo.

	Cộng
Số tiền vay phát sinh	4.422.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.176.000.000)
Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	(649.200.000)
Số cuối năm	2.596.800.000

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Điều chỉnh trình bày	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	9.353.334.646	13.458.817.707	-4.000.000.000	-5.457.095.000	13.355.057.353
Quỹ phúc lợi	6.444.116.476	12.288.258.072	4.000.000.000	-11.120.569.238	11.611.805.310
Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành	-	2.138.325.467	-	-1.981.765.832	156.559.635
Cộng	15.797.451.122	27.885.401.246	-	-18.559.430.070	25.123.422.298

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.315.000.000.000	-	11.653.234.450	1.326.653.234.450
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	234.111.926.975	234.111.926.975
Trích lập quỹ trong năm	-	582.661.723	-28.468.062.969	-27.885.401.246
Chia cổ tức trong năm	-	-	-74.687.483.449	-74.687.483.449

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Cộng
Số dư cuối năm nay	1.315.000.000.000	582.661.723	142.609.615.007	1.458.192.276.730

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	670.650.000.000	670.650.000.000
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	316.295.000.000	210.400.000.000
Công ty cổ phần Hoàn Lộc Việt	50.000.000	263.805.940.000
Công ty TNHH thời trang và mỹ phẩm Duy Anh	65.750.000.000	65.750.000.000
Công ty TNHH thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	191.990.000.000	34.190.000.000
Các cổ đông khác	70.265.000.000	70.204.060.000
Cộng	1.315.000.000.000	1.315.000.000.000

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	163.617.596.408	136.959.119.860
Trên 01 năm đến 05 năm	412.385.245.213	532.061.316.229
Trên 05 năm	313.141.637.991	268.336.151.507
Cộng	889.144.479.612	937.356.587.596

24b. Tài sản nhận giữ hộ: Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi.

Chủng loại	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cái	Khác	Cái	Khác
Cây kiểng, tranh, hoa	275	2	72	3
Chăn nuôi	-	538	10	114
Hàng công nghệ phẩm	8.722	11.287	5.565	1.972
Da và giả da	2.959	846	3.041	686
Hàng may mặc, vải	15.408	2.173	8.341	689
Hàng mỹ nghệ	37.471	11.438	14.300	4.994
Hàng mỹ phẩm	1.724	8.108	-	4.646
Hàng thực phẩm	-	5.673	-	1.845
Hàng trang sức	3.230	2.971	2.401	2.807
Văn hóa phẩm	2.413	115	1.279	-
Vàng bạc – đá quý	-	1.526	122	3.244
Cộng	72.202	44.677	35.131	21.000

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	1.007.213.432.773	916.904.080.448
Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	319.865.893.170	545.056.751.676
Doanh thu hoạt động phòng khách	304.323.821.866	251.431.234.932
Doanh thu các hoạt động khác (i)	457.712.905.079	282.804.239.219
Cộng	2.089.116.052.888	1.996.196.306.275

(i) Doanh thu hợp tác kinh doanh năm nay là 233.930.370.870 VND (năm trước là 170.194.799.660 VND).

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan: Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần vận tải hàng không Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.254.116.046	3.598.315.778
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Liên Thái Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	-	385.860.000
Công ty TNHH dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	-	74.915.934
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	173.209.160	738.016.484
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	70.844.000	58.428.000
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	515.870.990	3.782.299.709

2. Các khoản giảm trừ doanh thu: Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	774.785.280.408	684.297.244.382
Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	204.232.733.674	327.457.275.382
Giá vốn phòng khách	44.531.615.899	37.898.001.272
Giá vốn các hoạt động khác	178.497.508.205	147.553.216.639
Cộng	1.202.047.138.186	1.254.719.833.927

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	20.363.181.538	15.147.426.540
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.800.262.141	40.744.473.693
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.962.167.167	5.466.700.830
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.484.011
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	89.325.000.000	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	12.348.122.000	2.866.300.000
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác	101.127.500	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-186.333.585	-

	Năm nay	Năm trước
Cộng	174.713.526.761	64.227.385.074

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.580.542.103	1.701.712.684
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.556.708.663	13.105.495.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.671.033.285	18.855.766.961
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư (*)	37.906.931.164	14.900.289.718
Chi phí chuyển nhượng chứng khoán	68.192.013	175.000.000
Chi phí tài chính khác	5.173.635	1.564.973
Cộng	55.788.580.863	48.739.830.189

(*) Trong năm, Công ty lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á do nhận thấy không có khả năng thu hồi được khoản đầu tư này vì cổ phiếu này không còn giao dịch trên thị trường.

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	108.861.510.821	89.735.993.318
Chi phí vật liệu, bao bì	2.598.716.226	3.045.461.890
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.941.974.993	8.454.496.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.688.445.079	9.254.215.933
Chi phí tiền thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho	147.606.851.915	132.848.774.721
Chi phí quản lý điều hành hợp đồng hợp tác kinh doanh	103.798.146.276	68.371.810.603
Chi phí nhượng quyền khai thác	33.302.000.362	29.076.550.990
Các chi phí khác	60.607.082.589	51.545.354.812
Cộng	473.404.728.261	392.332.658.365

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	151.178.491.177	124.082.767.019
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	2.996.341.441	2.569.470.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.105.666.588	8.903.910.105
Thuế, phí và lệ phí	8.437.910.706	8.055.916.735
Hoàn nhập/dự phòng phải thu khó đòi	-5.324.619.128	278.421.280.724
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	12.916.853.904	12.916.853.887
Chi phí dịch vụ tư vấn	2.800.650.934	3.566.090.183
Các khoản chi phí khác	31.561.283.959	19.347.807.458
Cộng	212.672.579.581	457.864.096.471

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu đến bù tài sản dở dang trên khu đất Hồng Hà	-	163.800.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.600.214.314	11.872.883.256

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	7.527.869.484	6.874.527.552
Các khoản thu nhập khác	821.150.693	1.183.645.293
Cộng	10.949.234.491	183.731.056.101

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến tài sản chuyển nhượng, không thực hiện	-	629.426.146
Công cụ, dụng cụ thanh lý	61.730.640	67.757.177
Khấu hao các tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý	1.551.427.539	4.687.251.476
Chi phí do đánh giá lại tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng(i)	18.324.957.955	-
Chi phí trích trước tiền thuê đất tại Hồng Hà(ii)	24.376.919.332	-
Các khoản chi phí khác	3.970.624.321	716.962.822
Cộng	48.285.659.787	6.101.397.621

(i) Trong năm, Công ty ghi tăng giá trị một số tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là 18.324.957.955 VND (các tài sản này đã được thanh lý trong năm 2015) theo Chứng thư thẩm định giá Số Vc16/08/356.1/BĐS ngày 01 tháng 8 năm 2016 (Chứng thư này thay thế cho chứng thư thẩm định giá Số Vc16/03/63/BĐS ngày 11 tháng 3 năm 2016) về thẩm định giá công trình xây dựng của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam dựa trên kiến nghị của đoàn Thanh tra Chính phủ. Giá trị tăng thêm này đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận theo Quyết định số 3379/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2016 về việc xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2014).

(ii) Trong năm 2016, Công ty đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Nova Saco theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 38-2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016. Do đó, Công ty đã tạm trích trước tiền thuê đất phải nộp tại đường Hồng Hà từ năm 2007 đến năm 2016 để thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với diện tích đất đã sử dụng.

10. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	234.111.926.975	11.653.234.450
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-24.581.752.333	-1.165.323.446
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-1.170.559.635	-967.765.832
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	208.359.615.007	9.520.145.172
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	131.500.000	131.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.584	72

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 89 VND xuống còn 72 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.340.983.143	103.419.278.492
Chi phí nhân công	282.652.145.493	245.821.053.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.553.228.143	62.098.171.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.229.003.247	287.764.047.034
Chi phí khác	106.306.845.992	372.046.510.968
Cộng	845.082.206.018	1.071.149.060.982

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	2.846.584.065	1.442.870.837
Công nợ trả trước mua sắm tài sản cố định	6.512.178.590	1.822.240.126
Công nợ chuyển nhượng tài sản	-	55.380.000.000

2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.559.430.070	30.674.296.042
Chuyển tiền chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định về ACV	56.608.400.430	-
Cộng	75.167.830.500	30.674.296.042

V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC.

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Năm nay	Năm trước
Từ 01 năm trở xuống	5.767.575.758	7.375.799.522
Trên 01 năm đến 05 năm	10.584.509.259	14.804.675.926
Trên 05 năm	-	1.890.000.000
Cộng	16.352.085.017	24.070.475.448

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt: Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt: Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt: Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.354.772.727	1.593.200.000
Thù lao	376.000.000	336.000.000
Tiền thưởng	3.593.937.620	2.690.979.976
Cộng	6.324.710.347	4.620.179.976

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	Công ty liên kết
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	Công ty liên kết
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	Cổ đông chiếm 24% vốn điều lệ
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	Cổ đông chiến lược của Công ty
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh	Cổ đông chiến lược của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh II và III, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan khác	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương		
Mua hàng hóa	-	1.817.631.229
Công ty Cổ phần vận tải hàng Không Miền Nam		
Thu chi hộ tiền thuê mặt bằng	11.126.021.122	-
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam		
Mua hàng và cung cấp dịch vụ trong năm	221.063.220.763	199.550.909.882
Mua hộ vé máy bay và các dịch vụ khác	15.610.116.900	18.668.248.900
Tiền bán cổ phần phải nộp	-	33.417.105
Phải nộp chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	34.990.602.020	-
Phải trả về cổ phần hóa	519.973.516	-
Lợi nhuận và các quỹ phải nộp	38.090.616.559	52.748.377.736
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn		
Các nghiệp vụ thu chi hộ	2.535.963.000	1.922.929.700
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội		
Các nghiệp vụ thu chi hộ	679.698.300	489.937.000

3. Thông tin bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh: Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa miễn thuế: Bán hàng hóa tại các quầy miễn thuế tại sân bay Tân Sơn Nhất.
 - Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác: Bán hàng hóa tại các quầy khác tại sân bay Tân Sơn Nhất và các chi nhánh khác của Công ty.
 - Lĩnh vực kinh doanh phòng khách tại trung tâm thương mại: Bán hàng hóa tại các phòng khách tại trung tâm thương mại.
 - Lĩnh vực chế biến tại trung tâm thương mại: Cung cấp dịch vụ chế biến tại các cửa hàng ăn uống tại trung tâm thương mại (ngoại trừ phòng khách).
 - Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác: Kinh doanh phòng khách tại sân bay Tân Sơn Nhất, dịch vụ quảng cáo, thu đổi ngoại tệ, chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế...
- Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý: Hoạt động của Công ty được thực hiện tại Việt Nam và Nước ngoài

Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thị trường Việt Nam	2.070.268.045.800	1.991.565.490.089
Thị trường Nước ngoài	18.807.135.988	4.606.127.197
Cộng	2.089.075.181.788	1.996.171.617.286

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, thời gian tín dụng tối đa là 30 ngày, không cho tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số V.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Tiền gửi ngân hàng: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp. Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	489.855.566.371	-	-	489.855.566.371
Chứng khoán kinh doanh	-	-	28.644.000.000	28.644.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	72.000.000.000	-	-	72.000.000.000
Phải thu khách hàng	-	4.584.902.726	7.921.500.891	12.506.403.617
Các khoản phải thu khác	-	30.040.240.000	265.201.570.705	295.241.810.705
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	100.045.701.500	-	-	100.045.701.500
Cộng	661.901.267.871	34.625.142.726	301.767.071.596	998.293.482.193
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	508.015.455.956	-	-	508.015.455.956
Chứng khoán kinh doanh	28.851.577.500	-	-	28.851.577.500
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	94.000.000.000	-	-	94.000.000.000
Phải thu khách hàng	130.476.463.007	7.079.012.310	6.827.795.591	144.383.270.908
Các khoản phải thu khác	37.206.188.273	30.040.240.000	271.281.626.843	338.528.055.116
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	125.238.936.500	-	-	125.238.936.500
Cộng	923.788.621.236	37.119.252.310	278.109.422.434	1.239.017.295.980

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	315.465.446.485	-	315.465.446.485
Vay và nợ	121.971.757.640	-	121.971.757.640
Các khoản phải trả khác	28.902.919.816	357.724.000	29.260.643.816
Cộng	466.340.123.941	357.724.000	466.697.847.941

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số đầu năm			
Phải trả người bán	170.926.055.250	-	170.926.055.250
Vay và nợ	301.809.862.962	-	301.809.862.962
Các khoản phải trả khác	56.130.679.122	100.000.000	56.230.679.122
Cộng	528.866.597.334	100.000.000	528.966.597.334

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,540,392.50	20,962.25	6,755,909.62	34,822.19
Phải thu khách hàng	1,160,994.53	134,101.00	846,918.82	134,101.36
Các khoản phải thu khác	445,078.70	11,202,208.87	438,452.04	11,234,113.88
Phải trả người bán	(10,997,293.75)	(40,234.70)	(10,964,885.66)	(40,234.70)
Vay và nợ	(5,207,260.19)	-	(7,569,549.00)	-
Các khoản phải trả khác	(8,864.66)	(68.53)	(18,889.31)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(12,066,952.87)	11,316,968.89	(10,512,043.49)	11,362,802.73
Cộng	661.901.267.871	34.625.142.726	301.767.071.596	998.293.482.193

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 5.434.955.572 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 4.738.829.206 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 688.265.208 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 5.737.760.867 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Hàng hóa tại miễn thuế	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa tại TTTM và các chi nhánh khác	Lĩnh vực phòng khách	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trrước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	916.995.621.724	548.205.313.766	251.431.234.932	299.531.740.654	-	2.016.163.911.076
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	(91.541.276)	(3.173.251.079)	-	(16.727.501.435)	-	(19.992.293.790)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	916.904.080.448	545.032.062.687	251.431.234.932	282.804.239.219	-	1.996.171.617.286
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	118.294.118.367	61.897.084.195	119.498.124.686	5.338.657.838	-	305.027.985.086
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(413.772.956.563)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(108.744.971.477)
Doanh thu hoạt động tài chính						64.227.385.074
Chi phí tài chính						(48.739.830.189)
Thu nhập khác						183.731.056.101
Chi phí khác						(6.101.397.621)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(72.462.899.399)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(256.108.039)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						11.653.234.450
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.989.189.715	5.508.824.002	3.698.268.218	7.539.750.287	-	19.736.032.222
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.187.185.313	10.733.165.972	6.552.329.195	58.051.878.028	-	88.524.558.507
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



Miễn trách

Báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO) được soạn thảo theo hướng dẫn tại Phụ lục số 04, Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính. Báo cáo thường niên và các tài liệu, ảnh, số liệu được dùng sử dụng cho mục đích công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo yêu cầu của Bộ Tài chính, không cho các mục đích thương mại.

Báo cáo thường niên năm 2016 của SASCO ngoài sử dụng số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán còn có sử dụng các thông tin và số liệu tổng hợp từ các khảo sát, báo cáo trong ngành hàng không bởi các bên thứ 3 như: Cục hàng không Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp hàng không Việt Nam, Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) và số liệu ước tính trên cơ sở dữ liệu thu thập được của SASCO trên cơ sở khảo sát và tham vấn bên thứ 3. Báo cáo của các tổ chức này cũng như các số liệu ước tính của SASCO khi trình bày những dữ liệu, ý kiến, quan điểm nghiên cứu được phát triển độc lập thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, phỏng vấn của các đơn vị cung cấp dịch vụ - các bên thứ ba, báo cáo thống kê của các đơn vị quản lý; thông cáo báo chí, tạp chí Các nguồn thông tin này có độ tin cậy, tuy nhiên SASCO cũng không thẩm định lại và cũng không đủ nguồn lực để đánh giá lại số liệu thu thập được từ bên thứ ba, do đó Công ty cũng không thể đảm bảo tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin, số liệu từ bên thứ 3 này.

Bất kỳ phân tích, nhận định lạc quan nào về thị trường và khả năng kinh doanh của Công ty nêu trong Báo cáo thường niên này đều không có nghĩa là lời đảm bảo của Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai và hiện tại.

Báo cáo thường niên này nhằm mục đích cung cấp thêm thông tin cho cổ đông, những nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, trong nước và nước ngoài để tham khảo mà không phải là lời đề nghị, gợi ý hay mời chào mua cổ phiếu của Công ty. Các thông tin phân tích (nếu có), dự báo được nêu trong Báo cáo thường niên này phản ánh quan điểm, đánh giá hiện tại của Công ty về các sự kiện có thể xảy ra trong tương lai và do đó có thể khác so với kết quả thực tế bởi nhiều nguyên nhân nằm ngoài khả năng kiểm soát hoặc dự báo của Công ty. Toàn bộ những phân tích đánh giá (nếu có), quan điểm nêu tại Báo cáo này được thực hiện tại ngày lập báo cáo và có thể được thay đổi mà không cần báo trước. SASCO sẽ nỗ lực hết sức, nhưng không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung Báo cáo này.



Giới thiệu về SASCO

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất - tên giao dịch quốc tế là Southern Airports Services Joint Stock Company (viết tắt: SASCO) là Doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam, nằm trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).

SASCO kinh doanh đa ngành nghề với nhiều hoạt động dịch vụ thương mại tại sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất và mở rộng thị trường ra bên ngoài thông qua các chi nhánh hoạt động kinh doanh trực tiếp của Công ty.

Trên thị trường, Công ty tự hào đã tạo dựng được thương hiệu SASCO vững mạnh, uy tín với các sản phẩm dịch vụ chất lượng trên nhiều lĩnh vực trong và ngoài Ngành Hàng không, chinh phục niềm tin của đối tác, khách hàng trong và ngoài nước.

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà Văn phòng SASCO
Sân bay Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Tel (08) 3844 8358
Fax (08) 3844 7812
Website: www.sasco.com.vn

Bộ phận Quan hệ Cổ đông

haidv@sasco.com.vn
Tel (08) 3844 8358, ext. 204